

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BCT Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến Luật Thương mại điện tử

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến Luật Thương mại điện tử (TMĐT). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- Nhằm thực hiện, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về TMĐT;
- Nhằm phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật, nâng cao chất lượng hoạt động TMĐT.
- Nhằm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Các chủ trương, đường lối của Đảng có nội dung liên quan đến của Luật TMĐT;
- Các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến của Luật TMĐT;
- Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có nội dung liên quan đến Luật TMĐT;.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng

Trong thời gian qua, Đảng đã ban hành nhiều văn bản có nội dung liên quan đến tăng cường quản lý nhà nước về TMĐT, cũng như thúc đẩy phát triển TMĐT. Bộ Công Thương đã thực hiện rà soát tổng cộng 8 văn bản quan trọng có nội dung liên quan đến TMĐT. Dự kiến 06 chính sách của Luật TMĐT thể chế hóa đầy đủ

các văn bản trên.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát: **42** văn bản, trong đó: **01** Hiến pháp, **22** Luật và **19** Nghị định. Các chính sách của Luật TMĐT đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, phù hợp, thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách

- Tổng số điều ước quốc tế được rà soát liên quan đến dự thảo: Qua rà soát đã xác định được có **08** điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Luật, trong đó bao gồm **04** điều ước quốc tế song phương và **04** điều ước quốc tế đa phương, bao gồm: 1/Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); 2/Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP); 3/Hiệp định ASEAN về TMĐT; 4/Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc; 5/Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Australia - New Zealand; 6/Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Việt Nam - Các tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất (CEPA); 7/Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA); 8/Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA).

- Đánh giá chung về tính tương thích của Luật TMĐT với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên: Qua rà soát, dự thảo Luật quy định một số nội dung liên quan đến các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, bao gồm: quy định về khung pháp lý phù hợp các nguyên tắc cơ bản của Luật mẫu của Liên hợp quốc về TMĐT và Công ước của Liên hợp quốc về sử dụng giao dịch điện tử trong hợp đồng quốc tế; bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong TMĐT; hợp tác quốc tế về TMĐT. Về cơ bản, các chính sách, quy định của dự thảo Luật đảm bảo tương thích với các Điều ước quốc tế có liên quan.

4. Phụ lục

- Phụ lục 1: Kết quả rà soát theo bảng

- Phụ lục 2: Kết quả rà soát (chi tiết)

Bộ Công Thương kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TT. Nguyễn Sinh Nhật Tân;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TMĐT (HangLThu).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

PHỤ LỤC 1:

I. CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
A	PHÁT TRIỂN TMĐT			
1	Văn kiện đại hội Đảng khóa XIII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030: - Phát triển thị trường hàng hoá, dịch vụ theo các phương thức tổ chức, giao dịch văn minh, hiện đại, <u>TMĐT</u>, - Thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, <u>TMĐT</u>, - <u>Đẩy mạnh phát triển TMĐT</u> và sự hài hoà giữa TMĐT với thương mại truyền thống, - Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính – ngân hàng; <u>TMĐT</u>; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo	Chính sách 6 – Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững	Đã thể chế đầy đủ. Chính sách 6 đưa ra các giải pháp tổng thể phát triển TMĐT theo hướng xanh và bền vững, bao gồm các giải pháp lớn sau: - Quy định về xuất khẩu qua TMĐT; - Quy định về thương mại số; - Quy định về TMĐT xanh và bền vững; - Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT.	

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
2	Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/ 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư : “Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính – ngân hàng; <u>TMĐT...</u> ”	Chính sách 6 – Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững	Đã thể chế hóa đầy đủ. Chính sách 6 đưa ra các giải pháp tổng thể phát triển TMĐT theo hướng xanh và bền vững, bao gồm các giải pháp lớn sau: - Quy định về xuất khẩu qua TMĐT; - Quy định về thương mại số; - Quy định về TMĐT xanh và bền vững; - Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT.	
3	Chỉ thị 03-CT/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” : “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, <u>phát triển TMĐT</u> và các kênh thương mại hiện đại, kết hợp hài hoà với hoạt động thương mại, phân phối truyền thống”	Chính sách 6 – Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững	Đã thể chế hóa đầy đủ. Chính sách 6 đưa ra các giải pháp tổng thể phát triển TMĐT theo hướng xanh và bền vững, bao gồm các giải pháp lớn sau: - Quy định về xuất khẩu qua TMĐT; - Quy định về thương mại số; - Quy định về TMĐT xanh và bền vững; - Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT.	

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
4	Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “Hình thành và phát triển các hình thức tổ chức thị trường hiện đại như sàn giao dịch hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực của vùng; <u>đẩy mạnh phát triển TMĐT.</u> ”	Chính sách 6 – Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững	Đã thể chế hóa đầy đủ. Chính sách 6 đưa ra các giải pháp tổng thể phát triển TMĐT theo hướng xanh và bền vững, bao gồm các giải pháp lớn sau: - Quy định về xuất khẩu qua TMĐT; - Quy định về thương mại số; - Quy định về TMĐT xanh và bền vững; - Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT.	
5	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/ 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: “ <u>Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số</u> , bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số”	Chính sách 6 – Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững	Đã thể chế hóa đầy đủ. Chính sách 6 đưa ra các giải pháp tổng thể phát triển TMĐT theo hướng xanh và bền vững, bao gồm các giải pháp lớn sau: - Quy định về xuất khẩu qua TMĐT; - Quy định về thương mại số; - Quy định về TMĐT xanh và bền vững; - Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT.	

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
6	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: “Đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đa dạng hoá các kênh phân phối, phát triển mạnh các <u>nền tảng số, TMĐT</u> ; triển khai thực chất, hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	Chính sách 6 – Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững	Đã thể chế hóa đầy đủ. Chính sách 6 đưa ra các giải pháp tổng thể phát triển TMĐT theo hướng xanh và bền vững, bao gồm các giải pháp lớn sau: - Quy định về xuất khẩu qua TMĐT; - Quy định về thương mại số; - Quy định về TMĐT xanh và bền vững; - Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT.	
B	QUẢN LÝ TMĐT			
1	Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: “Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, <u>mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng</u> ”; “Cần có cách tiếp cận mở, sáng tạo	- Chính sách 1 – Quy định các loại hình và trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT - Chính sách 6 – Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững	Đã thể chế hóa đầy đủ. - Chính sách 1 đưa ra các giải pháp về mô hình hoạt động TMĐT cũng như trách nhiệm pháp lý kèm theo. Điều này giúp cho các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT có hành lang pháp lý đầy đủ, rõ ràng, tăng tính minh bạch cho thị trường TMĐT, từ đó thúc đẩy phát triển hơn nữa hoạt động TMĐT. - Đối với các mô hình mới, có thể xuất hiện trong tương lai, một trong những	

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	cho thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số. Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm.”		giải pháp được đưa ra tại Chính sách 6 là: Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT.	
2	Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030: “Đa phương hoá, đa dạng hoá đối tác, hình thức đầu tư, đan xen lợi ích trong hợp tác đầu tư nước ngoài và kết nối hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước, phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế và mục tiêu phát triển bền vững; bảo vệ môi trường, <u>bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh, trật tự, an toàn xã hội và nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế</u> ”	Chính sách 2: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam, hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực TMĐT tại Việt Nam, người bán nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam	Đã thể chế hóa đầy đủ. Hoạt động TMĐT là hoạt động có tính chất xuyên biên giới, không bị giới hạn bởi phạm vi lãnh thổ. Theo đó, chính sách 2 có các quy định về chủ thể tham gia hoạt động TMĐT cùng với trách nhiệm pháp lý kèm theo, bao gồm cả hoạt động TMĐT xuyên biên giới, hoạt động đầu tư trong TMĐT.	
3	Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của	Chính sách 1: Quy định	Đã thể chế hóa đầy đủ.	

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề cập đến giải pháp: ‘Rà soát, hoàn thiện <u>luật chuyên ngành</u> về du lịch, <u>thương mại</u> , đường sắt, bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có liên quan; <u>tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật</u> , đẩy mạnh xã hội hóa để cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, nhất là trong các <u>lĩnh vực TMĐT</u> , tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, logistics, du lịch, các dịch vụ mới của nền kinh tế số...”	loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT; Chính sách 2: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam, hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực TMĐT tại Việt Nam, người bán nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam; Chính sách 3: Quy định loại hình và trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số đa dịch vụ, mạng xã hội có hoạt động TMĐT; Chính sách 4: Quy định về dịch vụ hỗ trợ TMĐT và trách nhiệm của các chủ thể liên quan; Chính	Các chính sách của Luật TMĐT được xây dựng dựa trên bối cảnh kinh tế - xã hội, thực trạng phát triển của lĩnh vực TMĐT, các tồn tại hạn chế mà hạ tầng pháp luật hiện tại chưa thể giải quyết triệt để.	

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		sách 5: Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về giao kết hợp đồng trong TMĐT; Chính sách 6: Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững.		
4	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: “Khẩn trương, quyết liệt <u>hoàn thiện thể chế</u> ; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số”	Chính sách 1: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT; Chính sách 2: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam, hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực TMĐT tại Việt Nam, người bán nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam; Chính sách 3: Quy định loại hình và trách nhiệm	Đã thể chế hóa đầy đủ. Thực hiện đúng tinh thần, chủ trương trong công tác hoàn thiện thể chế, các chính sách trong đề nghị xây dựng luật TMĐT bao gồm các biện pháp quản lý nhà nước và các biện pháp thúc đẩy hoạt động TMĐT, đảm bảo thể chế cho TMĐT thông thoáng, tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia, thúc đẩy phát triển TMĐT trở thành trụ cột của nền kinh tế số, đạt được các mục tiêu đề ra.	

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		của các chủ thể tham gia nền tảng số đa dịch vụ, mạng xã hội có hoạt động TMĐT; Chính sách 4: Quy định về dịch vụ hỗ trợ TMĐT và trách nhiệm của các chủ thể liên quan; Chính sách 5: Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về giao kết hợp đồng trong TMĐT; Chính sách 6: Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững.		
5	Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; “Đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ... luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực	Chính sách 1: quy định rõ quyền và trách nhiệm của các bên liên quan đến hoạt động TMĐT.	Đã thể chế hóa đầy đủ. Một trong các giải pháp nêu tại chính sách 2: phân cấp, phân quyền về quản lý nhà nước trong TMĐT.	Đề xuất đưa vào dự án Luật TMĐT

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	tiền thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn”			
6	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: - “Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, <u>TMĐT</u>... Có cơ chế thử nghiệm đối với những ngành, lĩnh vực mới trên cơ sở hậu kiểm, phù hợp với thông lệ quốc tế” - “Ban hành khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ mới, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân tham gia nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, <u>TMĐT</u>, công nghệ tài chính, y tế thông minh...”	Chính sách 1: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT; Chính sách 2: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam, hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực TMĐT tại Việt Nam, người bán nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam; Chính sách 3: Quy định loại hình và trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số đa dịch vụ, mạng xã hội có hoạt động TMĐT; Chính	Đã thể chế đầy đủ. Thực hiện đúng tinh thần, chủ trương trong công tác hoàn thiện thể chế, các chính sách trong đề nghị xây dựng luật TMĐT bao gồm các biện pháp quản lý nhà nước và các biện pháp thúc đẩy hoạt động TMĐT, đảm bảo thể chế cho TMĐT thông thoáng, tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia, thúc đẩy phát triển TMĐT trở thành trụ cột của nền kinh tế số, đạt được các mục tiêu đề ra.	

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		sách 4: Quy định về dịch vụ hỗ trợ TMĐT và trách nhiệm của các chủ thể liên quan; Chính sách 5: Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về giao kết hợp đồng trong TMĐT; Chính sách 6: Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững.		

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
I	Chính sách 1: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT			
1.1	Quy định các loại hình hoạt động TMĐT	- Luật giao dịch điện tử 2023: quy định về khái niệm nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử và nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử.	- Về bản chất, nền tảng số TMĐT là một loại hình “nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử”, nền tảng số trung gian TMĐT là một loại hình “nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử”. Khái niệm đưa ra tại chính sách 1 thống nhất với Luật Giao dịch điện tử năm 2023.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		- <i>Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, Nghị định số 85/2021/NĐ-CP</i> : quy định về khái niệm website/ ứng dụng TMĐT, website/ ứng dụng TMĐT bán hàng, website/ ứng dụng TMĐT cung cấp dịch vụ.	- Website/ ứng dụng TMĐT là một trong các dạng thức thể hiện của “nền tảng số TMĐT”, theo đó chính sách 1 quy phạm hóa theo hướng dùng thuật ngữ chung là “nền tảng số TMĐT” nhằm bao quát tất cả các dạng thức hoạt động của TMĐT đang diễn ra và có thể xuất hiện trong tương lai. “Nền tảng số TMĐT” bao gồm “nền tảng số TMĐT bán hàng”; “nền tảng số trung gian TMĐT” và “nền tảng số TMĐT đa dịch vụ”. Theo đó, đảm bảo tính thống nhất, bao quát của hệ thống pháp luật.	
1.2	Quy phạm hóa trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số TMĐT bán hàng	- <i>Hiến pháp năm 2013</i> quy định quyền tự do kinh doanh của công dân: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” (Điều 13). Việc hạn chế quyền công dân chỉ được quy định tại văn bản cấp Luật (khoản 2 Điều 14). - <i>Luật Giao dịch điện tử năm 2023</i> : Luật này đã đưa ra các trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử	- Theo đó việc quy định nhóm các nội dung cấm liên quan đến các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT là phù hợp với Hiến pháp năm 2013. - Về cơ bản, nền tảng số TMĐT bán hàng cũng là một nền tảng số trong một lĩnh vực cụ thể, theo đó cũng cần tuân thủ các quy định nêu tại Luật Giao dịch điện tử. Dự thảo đề cương luật không quy định lại các quy định đã có tại Luật Giao dịch	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ: Điều 27 Nghị định quy định Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT bán hàng	điện tử năm 2023. - Về cơ bản ngoài các trách nhiệm đã quy định tại Nghị định, dự thảo Đề cương Luật có sự mở rộng các trách nhiệm như trách nhiệm về phân loại hàng hóa trong nước và nước ngoài bán trên nền tảng số, trách nhiệm lưu trữ đầy đủ thông tin về hàng hóa, dịch vụ trong một khoảng thời gian hợp lý.	
1.3	Quy phạm hóa trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số trung gian TMĐT	- Luật Giao dịch điện tử năm 2023: quy định trách nhiệm của chủ quản nền tảng số quy mô lớn và rất lớn. - Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023: Luật này đã nêu các trách nhiệm cụ thể của tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian đối với người tiêu dùng	- Về cơ bản, nền tảng số trung gian TMĐT cũng là một nền tảng số trong một lĩnh vực cụ thể, theo đó cũng cần tuân thủ các quy định nêu tại Luật Giao dịch điện tử. Dự thảo đề cương luật không quy định lại các quy định đã có tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023. - Trên cơ sở rà soát Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2023, các tổ chức tham gia kinh doanh TMĐT đều phải tuân thủ pháp luật liên quan, trong đó có pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		- Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính, trong đó bổ sung trách nhiệm của nhà quản lý sàn giao dịch TMĐT, nền tảng số. - Luật số 44/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược: Luật đã bổ sung một số quy định về bán lẻ, bán buôn theo phương thức TMĐT - Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019: Luật quy định một số đặc thù cho hoạt động	- Dự kiến Luật chỉ nêu nguyên tắc chung: các chủ thể tham gia TMĐT phải tuân thủ pháp luật về thuế. Theo đó, không quy định lại các quy định mà pháp luật về thuế đã quy định. - Trong mối tương quan với Luật Dược, Luật TMĐT đóng vai trò là luật khung, Luật Dược đóng vai trò là luật chuyên ngành. Các chủ thể tham gia bán lẻ, bán buôn thuốc qua phương thức TMĐT ngoài việc tuân thủ pháp luật về TMĐT, thì phải tuân thủ Luật Dược và các văn bản hướng dẫn. - Trong mối tương quan với Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, Luật TMĐT đóng vai trò là luật khung, Luật Phòng, chống tác hại của rượu,	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		bán rượu, bia theo hình thức TMĐT, theo đó, điều kiện bán rượu, bia theo hình thức TMĐT - Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ: Điều 36 Nghị định quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT - Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Đóng vai trò là văn bản hướng dẫn Luật, Nghị định này đã làm rõ các trách nhiệm của tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số lớn	bia đóng vai trò là luật chuyên ngành. Các chủ thể tham gia bán lẻ, bán buôn rượu, bia qua phương thức TMĐT ngoài việc tuân thủ pháp luật về TMĐT, thì phải tuân thủ Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và các văn bản hướng dẫn. - Về trách nhiệm của chủ quản nền tảng số cung cấp dịch vụ TMĐT: Về cơ bản ngoài các trách nhiệm đã quy định tại Nghị định, chính sách 1 quy phạm hóa theo hướng có sự phân tách rõ ràng các trách nhiệm bao gồm trách nhiệm chung, trách nhiệm với người tiêu dùng, và trách nhiệm với người bán trên nền tảng số. - Các tổ chức tham gia kinh doanh TMĐT đều phải tuân thủ pháp luật liên quan, trong đó có pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		tại Điều 23 - Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế: Nghị định bổ sung trách nhiệm của tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam là chủ sở hữu sàn TMĐT có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo quy định cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch TMĐT - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số của Luật	- Luật TMĐT không quy định các vấn đề chi tiết về thuế mà chỉ nêu nguyên tắc các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT tuân thủ pháp luật về thuế. - Các tổ chức tham gia kinh doanh TMĐT đều phải tuân thủ pháp luật liên quan, trong đó có Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia và các văn bản	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>Phòng, chống tác hại của rượu, bia;</i> Nghị định đã có quy định hướng dẫn về các biện pháp ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin và mua rượu, bia trong hoạt động bán rượu, bia theo hình thức TMĐT.	hướng dẫn.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1.4	Quy phạm hóa định danh người bán trên nền tảng số trung gian TMĐT	- <i>Luật An ninh mạng năm 2018</i>: Khoản 2 Điều 26 quy định trách nhiệm của Doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có trách nhiệm sau đây: <i>Xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số</i>; - <i>Luật Căn cước năm 2023</i>: Luật quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, căn cước điện tử; giấy chứng nhận căn cước; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. - <i>Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử</i>: Nghị định quy định: “Cơ quan, tổ	- Các văn bản trên là cơ sở để thực hiện việc định danh cho người bán trên nền tảng số TMĐT nêu tại chính sách 1. - Các văn bản trên là cơ sở để thực hiện việc định danh cho người bán trên nền tảng số TMĐT nêu tại chính sách 1. - Các văn bản trên là cơ sở để thực hiện việc định danh cho người bán trên nền tảng số TMĐT nêu tại chính sách 1.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		chức, cá nhân được tạo lập <i>tài khoản giao dịch điện tử</i> theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử để phục vụ giao dịch, hoạt động của mình và <i>chịu trách nhiệm xác thực, bảo đảm tính chính xác của tài khoản do mình tạo lập, quyết định mức độ và giá trị sử dụng của từng mức độ tài khoản.</i> - Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ: Nghị định không quy định cụ thể phương thức bắt buộc phải sử dụng để định danh một người bán trên sàn giao dịch TMĐT.	- Không mâu thuẫn chồng chéo do chưa có văn bản nào quy định về vấn đề định danh người bán trong TMĐT.	
1.5	Tăng cường quản lý nhà nước thông qua Nền tảng quản lý hoạt động TMĐT và đẩy	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP: quy định về vai trò và chức năng của Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT	- Chính sách 1 quy phạm hóa khái niệm Nền tảng Quản lý hoạt động TMĐT thay thế khái niệm về Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT để phù hợp với các khái niệm về mô hình hoạt động mới.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	mạnh phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT		Chức năng của Nền tảng được mở rộng so với Cổng thông tin, đảm bảo đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ sâu như TMĐT.	
II	Chính sách 2: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam, hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực TMĐT tại Việt Nam, người bán nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam			
2.1	Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 quy định Quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa - Luật Quản lý Thuế 2019 & Nghị định 126/2020/NĐ-CP Điều 42, Khoản 4: quy định về nghĩa vụ thuế của nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam khi cung cấp dịch vụ cho cá nhân, tổ chức Việt Nam. Đối với hoạt động kinh doanh TMĐT, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà cung cấp ở nước	Quy định về trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam chưa được điều chỉnh tại văn bản cấp luật, theo đó quy định trên đảm bảo tính thống nhất, không mâu thuẫn chồng chéo với văn bản cấp luật nào.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - <i>Nghị định 85/2021/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 52 về TMĐT)</i> Điều 67a. Thương nhân, tổ chức nước ngoài có website cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam		
2.2	Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia đầu tư vào hoạt động TMĐT	- <i>Luật Đầu tư số 61/2020/QH14</i> : Điều 9 quy định về ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; theo đó quy định Nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước. - <i>Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</i> ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - <i>Nghị định 09/2018/NĐ-CP</i> quy định chi tiết Luật thương mại và	- Hoạt động TMĐT là ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, việc quy định về hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực TMĐT phù hợp với pháp luật về đầu tư.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - <i>Nghị định 85/2021/NĐ-CP</i> : Điều 67c đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực TMĐT		
2.3	Quy định định danh người bán nước ngoài và trách nhiệm của người bán nước ngoài	- <i>Nghị định 85/2021/NĐ-CP</i> : Điều 67b. Thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa trên sàn giao dịch TMĐT Việt Nam	Quy định về định danh người bán nước ngoài trong TMĐT chưa được quy định cụ thể tại văn bản cấp luật. Theo đó, không gây mâu thuẫn chồng chéo với hạ tầng pháp luật hiện hành.	
III	Chính sách 3: Quy định loại hình và trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số đa dịch vụ, mạng xã hội có hoạt động TMĐT			
3.1	Quy phạm hóa khái niệm về nền tảng số TMĐT đa dịch vụ, mạng xã hội có hoạt động TMĐT	- Về khái niệm nền tảng số đa dịch vụ: Chưa được định nghĩa một cách chính thức và cụ thể trong một văn bản quy phạm pháp luật nào của Việt Nam - Về khái niệm mạng xã hội: - <i>Nghị định 147/2024/NĐ-CP về quản lý sử dụng internet và thông</i>	-Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật. - Dự kiến chính sách 3 quy định mạng xã hội có hoạt động TMĐT là nền tảng có cả chức năng mạng xã hội và TMĐT, theo đó không định nghĩa	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>tin trên mạng quy định</i> “Mạng xã hội (social network) là hệ thống thông tin được thiết lập trên nền tảng trang thông tin điện tử hoặc ứng dụng trên mạng, cung cấp các dịch vụ, công cụ cho phép người sử dụng dịch vụ cung cấp, trao đổi, tương tác, chia sẻ thông tin với nhau”	riêng mạng xã hội. Theo đó, khái niệm trên không mâu thuẫn, chồng chéo với hạ tầng pháp luật hiện hành.	
3.2	Quy phạm hóa trách nhiệm của chủ thể tham gia mạng xã hội có hoạt động TMĐT	- <i>Nghị định 147/2024/NĐ-CP về quản lý sử dụng internet và thông tin trên mạng</i> có quy định về trách nhiệm của chủ thể cung cấp mạng xã hội - <i>Nghị định 85/2021/NĐ-CP</i> đã bổ sung mạng xã hội có một trong các đặc tính sau thì được coi là sàn giao dịch TMĐT và phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý giống như sàn giao dịch TMĐT: (a) cho phép người tham gia mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ; (b) cho phép người tham gia được mở tài khoản để	Chính sách này nhằm cụ thể hóa các trách nhiệm của chủ thể tham gia mạng xã hội có hoạt động TMĐT. Hiện chủ thể này chưa được quy định cụ thể ở văn bản cấp luật. Theo đó, chính sách này không mâu thuẫn chồng chéo với quy định pháp luật hiện hành.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng; (c) có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ, đồng thời người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc thực hiện các hoạt động đó.		
k3.3	Quy phạm hóa trách nhiệm của chủ thể tham gia nền tảng số đa dịch vụ	Chưa được quy định ở văn bản nào.	Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật	
IV	Chính sách 4: Quy định về dịch vụ hỗ trợ TMĐT và trách nhiệm của các chủ thể liên quan			
4.1	Quy định khái niệm các dịch vụ hỗ trợ TMĐT	Hiện nay chưa có quy định về khái niệm dịch vụ hỗ trợ trong các văn bản quy phạm pháp luật	- Khái niệm về dịch vụ hỗ trợ TMĐT được quy phạm hóa trong dự thảo giúp phân định rõ hơn nhóm chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT để từ đó định vị được trách nhiệm của các chủ thể này.	
4.2	Quy phạm hóa trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ logistics	- <i>Luật Thương mại năm 2005</i> : Luật này quy định về quyền, nghĩa vụ của khách hàng và Thương nhân cung cấp dịch vụ logistics. - <i>Nghị định số 163/2017/NĐ-CP</i>	- Trách nhiệm của Thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics trong TMĐT cũng logistics, do đó cần phải tuân thủ Luật Thương mại; - Chính sách này cũng đã được quy phạm để	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>ngày 30/12/2017 Quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics: nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics.</i>	thống nhất, phù hợp với các quy định tại Nghị định 163/2017/NĐ-CP	
4.1.	Quy phạm hóa chính sách dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT	- Hiến pháp năm 2013 quy định quyền tự do kinh doanh của công dân: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”. - <i>Luật Sở hữu trí tuệ</i>: Luật này đưa ra khái niệm và trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian - <i>Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan</i>: quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong nước và	- Chính sách này đảm bảo tính hợp hiến - Dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT cũng là dịch vụ trung gian, do đó cần phải tuân thủ Luật sở hữu trí tuệ - Chính sách này cũng đã được quy phạm đề thống nhất, phù hợp với các quy định tại Nghị định 17/2023/NĐ-CP.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		nước ngoài được phép cung cấp một số dịch vụ theo quy định tại nghị định này.		
4.3	Quy phạm hóa về trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ thanh toán	- <i>Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam</i>: luật này nêu lên khái niệm dịch vụ trung gian thanh toán - <i>Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về Quy định về thanh toán không dùng tiền mặt</i>: quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. - <i>Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ</i>: Điều 75 Nghị định này quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website TMĐT.	- Trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ thanh toán trong TMĐT là một lĩnh vực cụ thể nằm trong dịch vụ trung gian thanh toán do đó cần phải tuân thủ Luật Ngân hàng nhà nước; - Chính sách này được nghiên cứu quy phạm hóa thống nhất các quy định Quy định về dịch vụ trung gian thanh toán tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về Quy định về thanh toán không dùng tiền mặt, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ và Thông tư số 40/2024/TT-NHNN Quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		- Thông tư số 40/2024/TT-NHNN Quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: quy định về trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.		
4.4	Quy phạm hóa về trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết, tư vấn bán hàng	Hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định về trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết, tư vấn bán hàng.	Hiến pháp năm 2013 quy định quyền tự do kinh doanh của công dân: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”. Do đó, chính sách này đảm bảo tính hợp hiến.	
4.5	Quy phạm hóa về trách nhiệm của chủ thể đánh giá tín nhiệm	Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định Hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT: quy định các Thương nhân tổ chức tiến hành đánh giá tín nhiệm website TMĐT phải đăng ký và các điều kiện để đăng ký.	Chính sách này quy phạm để thống nhất các quy định về quy định về trách nhiệm của chủ thể đánh giá tín nhiệm được quy định tại Nghị định Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ.	
4.6	Quy phạm hóa về trách	- Luật Giao dịch điện tử 2023 quy	- Quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử	định trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy - <i>Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT</i> : quy định về trách nhiệm của Thương nhân, tổ chức cá nhân hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.	cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng điện tử mà mình thực hiện chứng thực tại chính sách 5 dự án Luật TMĐT thống nhất các quy định về quy định về trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử quy định tại Nghị định Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ và Luật Giao dịch điện tử năm 2023.	
V	Chính sách 5: Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về giao kết hợp đồng trong TMĐT			
5.1.	Quy phạm hóa khái niệm liên quan đến giao kết hợp đồng trong TMĐT	- <i>Bộ luật Dân sự 2015</i> : Công nhận hợp đồng là sự thỏa thuận; có thể giao kết bằng lời nói, văn bản, hành vi hoặc phương tiện điện tử; không có khái niệm cụ thể về giao kết hợp đồng nhưng có quy định về quy trình giao kết hợp đồng - <i>Luật Giao dịch điện tử năm 2023</i> : Công nhận hợp đồng là	- Nội dung giao kết hợp đồng tại chính sách này phù hợp, không mâu thuẫn, không chồng chéo với quy định tại Bộ luật Dân sự 2015, Luật giao dịch điện tử 2023 và Nghị định 52/2013/NĐ-CP về giá trị pháp lý như văn bản gốc của Chứng từ điện tử.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		thông điệp dữ liệu; không phủ nhận giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử; có giá trị như bản gốc nếu đảm bảo toàn vẹn và truy cập được. - <i>Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013</i>: Chứng từ điện tử gồm hợp đồng, thông báo, xác nhận... có giá trị như bản gốc nếu đảm bảo tính toàn vẹn và truy cập được dưới dạng hoàn chỉnh.	- Các quy trình và quy định về giao kết hợp đồng điện tử trên các nền tảng số là phù hợp với quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về TMĐT và quy định về giao kết hợp đồng trong TMĐT tại Luật mẫu UNCITRAL về TMĐT.	
5.2.	Quy định quy trình giao kết hợp đồng trong TMĐT	- Luật dân sự năm 2015: quy định về từng công đoạn trong quy trình giao kết hợp đồng -<i>Luật Giao dịch điện tử năm 2023</i>: quy định về giao kết hợp đồng điện tử: đề nghị và chấm dứt giao kết hợp đồng điện tử. - Điều 15 đến Điều 23 Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định về quy trình giao kết hợp đồng trong TMĐT	- Quy định khuôn khổ pháp lý chi tiết cho quy trình giao kết hợp đồng của các giao dịch thương mại ở tất cả lĩnh vực trên môi trường điện tử. - Xây dựng dựa trên cơ sở kế thừa các quy định về quy trình giao kết hợp đồng trong TMĐT từ Nghị định 52/2013/NĐ-CP; quy định chi tiết đối với các sản phẩm là nội dung thông tin số. Theo	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			đó, chính sách này thống nhất, không có sự chồng chéo với Luật dân sự năm 2015, Luật giao dịch điện tử 2023, Nghị định 52/2013/NĐ-CP	
VI	Chính sách 6: Thúc đẩy phát triển TMĐT xanh và bền vững			
6.1	Quy định về phát triển TMĐT trong nước	- <i>Luật Hợp tác xã năm 2023</i> quy định các nội dung hỗ trợ hoạt động TMĐT và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã. - <i>Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017</i> quy định các nội dung hỗ trợ phát triển TMĐT nhằm thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp này vào nền kinh tế số. - <i>Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ</i> quy định “<i>Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến</i>	Chính sách 6 quy phạm hóa các biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển TMĐT trong nước thông các cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ các đơn vị kinh doanh TMĐT, các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, cơ chế, chính sách ưu tiên tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương, vùng miền, khuyến khích người tiêu dùng mua sắm hàng hóa có xuất xứ Việt Nam. Các biện pháp trên sẽ là các biện pháp tổng thể, không tập trung vào các chủ thể riêng biệt như hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa hay theo từng ngành hàng cụ thể. Theo đó, các biện pháp nêu tại Chính sách 6 thống nhất, hài hòa với các biện pháp phát triển khác nêu tại các văn bản Luật Hợp tác xã năm 2023, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>lược, quy hoạch, chương trình phát triển TMĐT và chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại.” là một trong những nội dung quản lý nhà nước về TMĐT (khoản 1 Điều 5).</i> <i>- Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã đã quy định chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường bao gồm “Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch TMĐT” (Điều 12).</i> <i>- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã quy định chi tiết nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (khoản 5, 6 Điều 22) và</i>	quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (khoản 3 Điều 25). - Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã quy định chính sách hỗ trợ một doanh nghiệp xây dựng và quản lý một trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia” (khoản 3 Điều 10). - Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương quy định phát triển hoạt động ngoại thương thông qua xúc tiến thương mại, hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước		

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		ngoài thông qua các sàn giao dịch TMĐT (đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, hỗ trợ từ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại – điểm đ Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 15)		
6.2	Quy định về thúc đẩy xuất khẩu qua TMĐT	- <i>Hiến pháp năm 2013</i> quy định: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.” (Điều 33) và “<i>Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.</i>” (Điều 50) - <i>Luật Quản lý ngoại thương năm 2017</i> quy định một trong những nguyên tắc quản lý nhà nước về	- Theo đó, việc khuyến khích việc xuất khẩu qua TMĐT không chỉ thúc đẩy quyền tự do kinh doanh mà còn tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế, đồng thời hỗ trợ mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển bền vững. Vì vậy, nhóm chính sách này là phù hợp với Hiến pháp năm 2013. - Chính sách 6 phù hợp với nguyên tắc quản lý của Luật Quản lý ngoại thương năm 2017	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		ngoại thương như sau: “ <i>Bảo đảm minh bạch, công khai, bình đẳng, đơn giản hóa thủ tục hành chính; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, thương nhân thuộc các thành phần kinh tế; thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước và xuất khẩu, gắn với quản lý nhập khẩu.</i> ” (khoản 2 Điều 4)		
6.3	Quy định về thương mại số	Chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định	Hiện nay, thương mại số chưa được định nghĩa tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào, tuy nhiên, việc xây dựng chính sách phát triển thương mại số giúp định hướng phát triển kinh tế số, TMĐT thông qua những lợi ích sau: (i) xác định phạm vi, nguyên tắc hoạt động của thương mại số, từ đó tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia; (ii) thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại; (iii) tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế; (iv) hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường số.	
6.4	Quy định về TMĐT xanh và bền vững	- <i>Hiến pháp năm 2013</i> quy định “ <i>Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội</i>	- Chính sách không chỉ phù hợp với các nguyên tắc cơ bản được quy định trong Hiến pháp, mà còn thúc đẩy các quyền và trách nhiệm hiến định, đặc biệt là quyền được sống trong môi trường	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, <u>bảo vệ môi trường</u>, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.” (Điều 50) và “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.” (Điều 43)</i> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định một số nguyên tắc bảo vệ môi trường (Điều 4) Chính sách thúc đẩy các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn (khoản 11 Điều 5) - Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010 quy định về biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động giao thông vận tải (khoản 1 Điều 19)	trong lành và trách nhiệm bảo vệ môi trường. - Các nội dung chính sách hoàn toàn nằm trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, đồng thời đóng góp vào việc cụ thể hóa các luật liên quan như Luật Bảo vệ môi trường và Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. - Các nội dung chính sách hoàn toàn nằm trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, đồng thời đóng góp vào việc cụ thể hóa các luật liên quan như Luật Bảo vệ môi trường và Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	
6.5	Quy định về nghiên	- Luật Chuyển giao công nghệ	- Chính sách 6 đề xuất những chính sách nghiên	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT	<i>năm 2017 và Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013</i> có những chính sách ưu tiên khuyến khích nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, đồng thời, hỗ trợ ý tưởng công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, ưu tiên những công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch.	cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT góp phần đưa ra những chính sách cụ thể, chi tiết dành riêng cho lĩnh vực TMĐT.	

III. ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1	Về tính phù hợp với Luật mẫu của Liên hợp quốc về TMĐT và Công ước của Liên hợp quốc về sử dụng giao dịch điện tử trong hợp đồng quốc tế - Điều 8 của dự thảo Luật quy định khái niệm liên quan đến việc giao kết hợp đồng trong TMĐT và điều kiện để hợp đồng điện tử có giá trị pháp lý như văn bản, như bản gốc hoặc có giá trị làm chứng cứ. - Điều 10 của dự thảo Luật quy định về lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử, trong đó cho phép quyền rút bỏ phần chứng từ điện tử có lỗi nếu đáp ứng một số điều kiện cụ thể. - Các Điều từ 11 đến 18 của dự thảo Luật khác đưa ra quy định cụ thể về quá trình giao kết hợp đồng, bao gồm: Thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng; Cung	Các Hiệp định mà Việt Nam tham gia đều có quy định liên quan đến việc duy trì khung pháp lý cho giao dịch điện tử phù hợp hoặc có tính đến các nguyên tắc cơ bản của Luật mẫu của Liên hợp quốc về TMĐT hoặc Công ước của Liên hợp quốc về việc sử dụng thông tin điện tử trong hợp đồng quốc tế. Điều 14.8 Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Điều 12.8 Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP); Điều 7 Hiệp định ASEAN về TMĐT; Điều 10.6 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc; Điều 12 Hiệp định thương mại	Điều 8 của dự thảo Luật kế thừa giá trị pháp lý của văn bản, chứng từ điện tử trong giao dịch dân sự nói chung và thương mại nói riêng được quy định tại Luật Giao dịch điện tử 2023, Bộ Luật dân sự 2015, Luật Thương mại 2019 (cụ thể, Luật Giao dịch điện tử quy định thông tin ở dạng thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý, Bộ luật Dân sự quy định giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu được coi là giao dịch bằng văn bản và Luật Thương mại thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu trong hoạt động thương mại, các thông điệp dữ liệu đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì được thừa nhận có giá trị pháp lý tương đương văn bản). Những quy định nói trên, cùng với các quy định về khái niệm hợp đồng điện tử, điều kiện để hợp đồng điện tử có giá trị như văn bản, như bản gốc hoặc có	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	cấp các điều khoản của hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng TMĐT; Đề nghị giao kết hợp đồng; Rà soát và xác nhận nội dung hợp đồng; Trả lời đề nghị giao kết hợp đồng; Chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng; Thời điểm giao kết hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng TMĐT; Thủ tục chấm dứt hợp đồng đối với hợp đồng dịch vụ TMĐT và các dịch vụ trực tuyến khác...)	tự do ASEAN – Australia - New Zealand. Điều 9.5 Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Việt Nam - Các tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất (CEPA)	giá trị làm chứng cứ, quy định về lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử và quy định về giao kết hợp đồng trong TMĐT tại Dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở Luật mẫu của Liên hợp quốc về TMĐT và Công ước của Liên hợp quốc về sử dụng giao dịch điện tử trong hợp đồng quốc tế (Luật mẫu và Công ước có các quy định về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, giao dịch điện tử, bao gồm giá trị pháp lý như văn bản, như bản gốc hoặc có giá trị làm chứng cứ; xác định thời điểm, địa điểm gửi, nhận thông điệp dữ liệu, giao dịch điện tử; lỗi nhập thông tin trong giao dịch điện tử, v.v...). Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của giao dịch TMĐT, nâng cao niềm tin và sự an toàn trong môi trường số, đồng thời đáp ứng các cam kết trong các Hiệp định mà Việt Nam đã tham gia.	
2	Về quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT Điều 20, Điều 23, Điều 33 của dự	Các Hiệp định mà Việt Nam tham gia đều có quy định liên quan đến việc yêu cầu các nước	Vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân được quy định cụ thể tại các văn bản pháp luật sau: Luật An toàn thông tin mạng,	Dự thảo Luật không quy định lại các

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	thảo Luật quy định về trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT. Cụ thể, chủ quản nền tảng TMĐT kinh doanh trực tiếp và người bán trên nền tảng TMĐT trung gian phải tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu và các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.	thành viên ban hành hoặc duy trì khung pháp lý nhằm <u>bảo vệ thông tin cá nhân</u> của người tham gia các hoạt động TMĐT hoặc áp dụng, duy trì các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân của người tham gia TMĐT. Điều 14.8 Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Điều 12.8 Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP); Điều 7 Hiệp định ASEAN về TMĐT; Điều 10.6 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc; Điều 10 Hiệp định Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Australia - New Zealand. Điều 9.8 Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Việt Nam - Các tiểu vương quốc Ả-rập	Luật Dữ liệu, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, v.v... Điều 20 và Điều 23 của dự thảo Luật quy định chủ quản nền tảng TMĐT kinh doanh trực tiếp và người bán trên nền tảng TMĐT trung gian phải có trách nhiệm tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu, tức là các chủ thể này phải tuân thủ các Luật và Nghị định nói trên. Điều này đảm bảo nghĩa vụ ban hành và duy trì quy định pháp luật, hoặc áp dụng, duy trì biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân của người tham gia TMĐT mà Việt Nam đã cam kết trong các Hiệp định.	quy định đã có tại Luật An toàn thông tin mạng, Luật Dữ liệu, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP mà chỉ cần quy định các chủ thể của hoạt động TMĐT cần tuân thủ quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		Thông nhất (CEPA)		
3	Về bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT - Điều 4 của dự thảo Luật quy định về nguyên tắc xác định nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động TMĐT, theo đó, chủ quản nền tảng TMĐT từ kinh doanh trực tiếp và người bán trên nền tảng TMĐT trung gian phải tuân thủ các quy định của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. - Điều 20, Điều 22, Điều 23, Điều 32, Điều 33, Điều 41, Điều 46 của dự thảo Luật quy định trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT về bảo vệ người tiêu dùng, bao gồm: + Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thực hiện các nghĩa vụ về	Các Hiệp định mà Việt Nam tham gia đều có quy định liên quan đến bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT. Các Hiệp định đều thừa nhận tầm quan trọng của việc áp dụng và duy trì các biện pháp minh bạch và hiệu quả để bảo vệ người tiêu dùng khỏi các hành vi gian lận và lừa đảo trong TMĐT. Các Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) cũng quy định mỗi Bên sẽ thông qua hoặc duy trì các luật hoặc quy định nhằm bảo vệ người tiêu dùng tham gia TMĐT khỏi các hành vi gian lận và lừa dối gây hại hoặc có thể gây hại cho người tiêu dùng. Điều 14.7 Hiệp định Đối tác	Vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được quy định cụ thể tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 và Nghị định số 55/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Dự thảo Luật quy định chủ quản nền tảng TMĐT từ kinh doanh trực tiếp và người bán trên nền tảng TMĐT trung gian phải có trách nhiệm tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tức là các chủ thể này phải tuân thủ Luật và Nghị định nói trên. Điều này đảm bảo nghĩa vụ thông qua hoặc duy trì các luật hoặc quy định bảo vệ người tiêu dùng theo các Hiệp định mà Việt Nam tham gia. Ngoài ra, việc Dự thảo Luật quy định các nội dung về trách nhiệm cụ thể của các bên giúp minh bạch hoá thông tin, tạo ra hành lang pháp lý hiệu quả để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khỏi các hành vi gian lận và lừa đảo trong	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. + Thực hiện các trách nhiệm về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của nền tảng trung gian quy mô lớn theo quy định của pháp luật; - Điều 19, Điều 21, Điều 27 của dự thảo Luật quy định một số nội dung cụ thể liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng như sau: + Đáp ứng điều kiện về hiển thị đầy đủ, rõ ràng thông tin về chủ quản nền tảng TMĐT kinh doanh trực tiếp, thông tin về điều kiện giao dịch chung, thông tin sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, người bán, thông tin phản hồi, đánh giá của người mua; + Đáp ứng điều kiện về lưu trữ thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải trên nền tảng; + Nền tảng TMĐT trung gian đáp	Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Điều 12.7 Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP); Điều 7 Hiệp định ASEAN về TMĐT; Điều 10.5 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc; Điều 19 Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Australia - New Zealand. Điều 9.9 Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Việt Nam - Các tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất (CEPA).	TMĐT. Điều này cho thấy Dự thảo Luật đáp ứng các cam kết của Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong TMĐT tại các Hiệp định mà Việt Nam tham gia.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	ứng điều kiện về xác thực danh tính người bán; + Điều kiện về tuân thủ pháp luật chuyên ngành khi kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có điều kiện.			
4	Về hợp tác quốc tế về TMĐT Điều 5 của dự thảo Luật quy định về hoạt động hợp tác quốc tế về TMĐT. Điều 39 quy định Nhà nước khuyến khích việc thiết lập trao đổi và hợp tác TMĐT xuyên biên giới với các quốc gia và khu vực khác, tham gia xây dựng các quy tắc quốc tế về TMĐT... Điều 42 quy định về việc tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế và tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại số.	Một số Hiệp định quy định về hợp tác trong TMĐT, trong đó bao gồm nội dung: Các bên sẽ nỗ lực trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm về các quy định, chính sách, hoạt động thực thi và tuân thủ liên quan đến TMĐT; duy trì đối thoại các vấn đề chính sách pháp luật được đặt ra trong TMĐT để giải quyết; tham gia tích cực vào các diễn đàn khu vực và đa phương để thúc đẩy sự phát triển của TMĐT, v.v... Điều 14.15 Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Điều 12.4 Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực	Về cơ bản, việc quy định nội dung về hợp tác quốc tế về TMĐT, thúc đẩy xuất khẩu qua TMĐT và thúc đẩy phát triển thương mại số đảm bảo mục tiêu đẩy mạnh hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế tuân thủ cam kết về hợp tác trong TMĐT tại các Hiệp định.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		(RCEP); Điều 6 Hiệp định ASEAN về TMĐT; Điều 10.8 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc. Điều 4 Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Australia - New Zealand. Điều 8.52 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA); Điều 8.52 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) Điều 9.17 Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Việt Nam - Các tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất (CEPA).		
5	Về yêu cầu tiếp cận thị trường và hiện diện thể nhân Điều 31 của Luật này có quy định đối với chủ quản của nền tảng	Nội dung liên quan đến tiếp cận thị trường và hiện diện thể nhân	Về cơ bản, đối với các Hiệp định có bảo lưu đối với dịch vụ mới theo NCM,	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	trung gian thương mại điện tử, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử và tích hợp đa dịch vụ không có hiện diện tại Việt Nam khi đáp ứng một trong 3 tiêu chí liên quan đến tên miền .vn, có ngôn ngữ hiển thị tiếng Việt hoặc có trên 100.000 lượt giao dịch từ người mua tại Việt Nam trong năm phải thành lập pháp nhân tại Việt Nam. Trong trường hợp có quy định khác tại các điều ước quốc tế mà ta tham gia, chủ quản nền tảng phải chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo ủy quyền. Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp không có hiện diện tại Việt Nam cần chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo ủy quyền khi đáp ứng một trong 3 tiêu chí nêu trên.	được quy định tại Chương Dịch vụ của một số Hiệp định. Một số Hiệp định có quy định về tiếp cận thị trường, nêu rõ không Bên nào được hạn chế hoặc yêu cầu các hình thức pháp nhân cụ thể hoặc liên doanh để có thể cung cấp dịch vụ tại lãnh thổ của mình. Tuy nhiên, đối với Hiệp định EVFTA, RCEP trong danh mục, ta không cam kết mở đối với dịch vụ thương mại điện tử và bảo lưu đối với ngành dịch vụ mới theo Các Biện pháp không tương thích (NCM). Hiệp định CPTPP (Điều 10.5), Chương Dịch vụ cũng có nội dung cam kết tương tự, nhưng không có bảo lưu đối với ngành dịch vụ mới theo NCM và không đề cập đến chọn bỏ đối với dịch vụ thương mại điện tử.	danh mục cam kết không bao gồm dịch vụ thương mại điện tử, ta có thể yêu cầu chủ quản nền tảng trung gian thương mại điện tử, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, tích hợp đa dịch vụ không có hiện diện tại Việt Nam thực hiện thành lập pháp nhân. Đối với các nước thành viên trong Hiệp định CPTPP, chủ quản nền tảng có thể lựa chọn chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo ủy quyền mà không cần thành lập pháp nhân (dự thảo Luật đang đưa ra 02 lựa chọn). Trong khi đó, yêu cầu chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo ủy quyền đối với nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tuyến là phù hợp với các Hiệp định hiện nay. Như vậy, dự thảo Luật hiện nay về cơ bản tương thích với nội dung cam kết của các Hiệp định.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		Riêng đối với nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp, đây được coi là hình thức phân phối bán lẻ và thuộc danh mục cam kết đối với hình thức cung cấp xuyên biên giới (cross-border of supply).		

PHỤ LỤC 2:

I. CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH

- Văn kiện đại hội Đảng khóa XIII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030: *“Phát triển thị trường hàng hoá, dịch vụ theo các phương thức tổ chức, giao dịch văn minh, hiện đại, TMĐT”, “Thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, TMĐT”, “Đẩy mạnh phát triển TMĐT và sự hài hoà giữa TMĐT với thương mại truyền thống”, Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; TMĐT; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo”.*

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề cập đến giải pháp: *“Rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về du lịch, thương mại, đường sắt, bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có liên quan; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, đẩy mạnh xã hội hóa để cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, nhất là trong các lĩnh vực TMĐT, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, logistics, du lịch, các dịch vụ mới của nền kinh tế số...”*;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: *“Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”*; *“Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics”.*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân:

+ *“Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, TMĐT... Có cơ chế thử nghiệm*

đối với những ngành, lĩnh vực mới trên cơ sở hậu kiểm, phù hợp với thông lệ quốc tế”

+ “*Đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đa dạng hoá các kênh phân phối, phát triển mạnh các nền tảng số, TMĐT; triển khai thực chất, hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; nâng cấp, đổi mới chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân xây dựng và quảng bá thương hiệu. Khuyến khích phát triển các tập đoàn bán lẻ tư nhân; có chính sách ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia chương trình, kế hoạch, dự án mua sắm công phù hợp với thông lệ quốc tế. Nâng cao năng lực thực thi, tận dụng các cam kết quốc tế và có cơ chế hỗ trợ hiệu quả giải quyết tranh chấp quốc tế cho khu vực kinh tế tư nhân...*”

+ “*Rà soát, hoàn thiện và thực thi hiệu quả quy định pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu tài sản, trong đó có quyền sở hữu trí tuệ và tài sản vô hình; giảm thiểu rủi ro pháp lý. Có chính sách hỗ trợ định giá, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước; hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đăng ký quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế. Có chế tài nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm về sở hữu trí tuệ, nhất là vi phạm trên không gian TMĐT. Bảo đảm thực hiện trực tuyến toàn trình thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp, cắt giảm tối đa thời gian thực hiện thủ tục yêu cầu cấp quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế*”

+ “*Ban hành khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ mới, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân tham gia nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, TMĐT, công nghệ tài chính, y tế thông minh...*”

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật: “*đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ... luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn*”;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: “*Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình*

kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng”; “Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; TMĐT...”; “Cần có cách tiếp cận mở, sáng tạo cho thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số. Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm.”

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đưa ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, bao gồm: Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

- Chỉ thị 03-CT/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" trong tình hình mới, trong đó nêu giải pháp: “*Đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu sản phẩm, hàng hoá Việt và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong nước có các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được người tiêu dùng ưa thích; trọng tâm là thị trường trong nước, đồng thời mở rộng ra thị trường nước ngoài, nhất là các thị trường mà Việt Nam đã ký Hiệp định Thương mại tự do; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển TMĐT và các kênh thương mại hiện đại, kết hợp hài hoà với hoạt động thương mại, phân phối truyền thống...*”.

Những văn bản trên đã thể hiện quyết tâm của Đảng trong việc hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy phát triển và quản lý hiệu quả lĩnh vực TMĐT trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện và cũng đặt ra nhiều yêu cầu, nhiệm vụ mới cần được thể chế hóa thông qua việc đề xuất xây dựng Luật TMĐT và tổ chức thực hiện.

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT

Giải pháp của chính sách: :

- Quy định trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số TMĐT bán

hàng;

- Quy định trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số trung gian TMĐT;
- Quy định trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số đa dịch vụ;
- Tăng cường quản lý nhà nước thông qua Nền tảng quản lý hoạt động TMĐT và đẩy mạnh phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT.

1.1. Hiến pháp

Hiến pháp năm 2013 quy định quyền tự do kinh doanh của công dân: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” (Điều 13). Việc hạn chế quyền công dân chỉ được quy định tại văn bản cấp Luật (khoản 2 Điều 14). Theo đó việc quy định nhóm các nội dung cấm liên quan đến các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT là phù hợp với Hiến pháp năm 2013.

1.2. Văn bản cấp Luật

1.2.1. Bộ Luật Dân sự năm 2015

Bộ luật này quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm. Khoản 2 Điều 4 Bộ luật này quy định: Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này. Các nguyên tắc tại Điều 3 bao gồm: 1/Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản. 2/ Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng, 3/ Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực, 4/ Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, 5/ Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

Về cơ bản, dự thảo Đề cương Luật TMĐT cũng được xây dựng đảm bảo tôn trọng các nguyên tắc đưa ra tại Bộ Luật Dân sự. Hàng hóa cũng là một loại “tài sản”, theo đó các vấn đề về quyền sở hữu, thời điểm xác lập quyền sở hữu,

quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với tài sản là hàng hóa đều bám sát các quy định của Bộ Luật Dân sự. Các vấn đề về liên quan đến hợp đồng giao kết thông qua TMĐT cũng đặc biệt quan trọng và tuân thủ Bộ Luật Dân sự như điều kiện giao dịch chung trong giao kết hợp đồng, sửa đổi, chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng, nghĩa vụ bảo hành v.v...

1.2.2. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025

Luật quy định về vị trí, chức năng của Chính phủ, các vấn đề phân cấp, phân quyền, nguyên tắc tổ chức.

1.2.3. Luật Thương mại năm 2005

Luật này quy định hoạt động thương mại thực hiện trên lãnh thổ nước Việt Nam. Hoạt động thương mại được định nghĩa tại Luật này là “hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác”. Theo đó, về bản chất hoạt động TMĐT là hoạt động thương mại được thực hiện bằng phương thức điện tử. Các thương nhân, tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động TMĐT trước hết cần tuân thủ Luật Thương mại nói chung và Luật TMĐT nói riêng.

1.2.4. Luật Doanh nghiệp năm 2020

Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty. Như vậy, đối với các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT là doanh nghiệp thì phải tuân thủ Luật Doanh nghiệp, bao gồm phải xin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp cũng quy định một trong các hành vi bị nghiêm cấm: Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động. Hoạt động TMĐT là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, theo đó, ngoài việc xin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp đó cũng phải tuân thủ các điều kiện hoạt động TMĐT.

1.2.5. Luật Giao dịch điện tử năm 2023

Luật này quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử, áp dụng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia giao dịch điện tử hoặc có liên quan đến giao dịch điện tử.

Luật có các quy định về trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian quy mô lớn,

trách nhiệm của chủ quản nền tảng số quy mô rất lớn.

Về cơ bản, nền tảng số TMĐT cũng là một nền tảng số trong một lĩnh vực cụ thể, theo đó cũng cần tuân thủ các quy định nêu tại Luật Giao dịch điện tử. Dự thảo đề cương luật không quy định lại các quy định đã có tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

1.2.6. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

Luật này quy định về nguyên tắc, chính sách bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng; hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của cơ quan, tổ chức; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh; quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Luật này đã nêu các trách nhiệm cụ thể của tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian đối với người tiêu dùng.

1.2.7. Luật Đầu tư năm 2020

Luật này quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài. Theo đó, hoạt động TMĐT là một trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư. Đồng thời, Luật đã đưa ra các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm: a) Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; b) Hình thức đầu tư; c) Phạm vi hoạt động đầu tư; d) Năng lực của nhà đầu tư; đối tác tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; đ) Điều kiện khác theo quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; giao Chính phủ quy định chi tiết về Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

1.2.8. Luật Quản lý thuế (sửa đổi, bổ sung năm 2024)

Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, *Luật Quản lý thuế*, *Luật Thuế thu nhập cá nhân*, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính, trong đó bổ sung trách nhiệm của nhà quản lý sàn giao dịch TMĐT, nền tảng số.

1.2.9. Luật An ninh mạng năm 2018

Luật này quy định về hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Luật có nội dung về xác thực người dùng tài khoản số.

1.2.10. Luật Dữ liệu năm 2024

Luật quy định về “dữ liệu số”, là đầu vào và đầu ra của các hoạt động, trong đó có hoạt động TMĐT. Theo Luật Dữ liệu, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, tạo lập dữ liệu có quyền và trách nhiệm sau: 1/Được thu thập, tạo lập dữ liệu để phục vụ cho hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật; 2/Được bảo vệ các quyền đối với chủ sở hữu dữ liệu theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan; 3/Chịu trách nhiệm đối với dữ liệu do mình thu thập, tạo lập theo quy định của pháp luật.

1.2.11. Luật Căn cước năm 2023

Luật quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, căn cước điện tử; giấy chứng nhận căn cước; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Theo đó, Luật là tiền đề để thực hiện việc định danh và xác thực điện tử cho tổ chức, cá nhân.

1.2.12. Luật số 44/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược

Luật đã bổ sung một số quy định về bán lẻ, bán buôn theo phương thức TMĐT. Theo đó, việc kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo phương thức TMĐT chỉ được phép thực hiện trên sàn giao dịch TMĐT, ứng dụng TMĐT bán hàng, trang thông tin điện tử (còn gọi là website TMĐT) bán hàng có chức năng đặt hàng trực tuyến.

1.2.13. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019

Luật quy định một số đặc thù cho hoạt động bán rượu, bia theo hình thức TMĐT, theo đó, điều kiện bán rượu, bia theo hình thức TMĐT.

1.3. Văn bản dưới Luật

1.3.1. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ

Đây là văn bản điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực TMĐT. Nghị định quy định các mô hình, chủ thể tham gia hoạt động TMĐT và trách nhiệm của các chủ thể đó. Có thể kể đến một số nội dung chính sau:

- Phạm vi điều chỉnh: 1/Thương nhân, tổ chức, cá nhân Việt Nam, 2/Cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam, 3/Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động TMĐT quy định tại Mục 5 Chương IV Nghị định này tại Việt Nam. Về cơ bản dự thảo Đề cương Luật đã mở rộng thêm đối tượng là cá nhân nước ngoài có

hoạt động TMĐT tại Việt Nam, bao gồm cả cư trú và không cư trú.

- Về mô hình hoạt động: bao gồm website/ ứng dụng TMĐT bán hàng và website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT. Dự thảo Đề cương Luật đã mở rộng nâng cấp các khái niệm trên thành nền tảng số TMĐT và nền tảng số trung gian TMĐT, ngoài ra bổ sung thêm mô hình nền tảng số đa dịch vụ.

- Về trách nhiệm của chủ quản nền tảng số cung cấp dịch vụ TMĐT: Về cơ bản ngoài các trách nhiệm đã quy định tại Nghị định, dự thảo Đề cương Luật có sự phân tách rõ ràng các trách nhiệm bao gồm trách nhiệm chung, trách nhiệm với người tiêu dùng, và trách nhiệm với người bán trên nền tảng số.

- Về vấn đề định danh người bán trên nền tảng số trung gian TMĐT: Nghị định không quy định cụ thể phương thức bắt buộc phải sử dụng để định danh một người bán trên sàn giao dịch TMĐT, điều đó gây ra nhiều bất cập về việc truy vết người bán cũng như kho hàng trên thực thể, kìm hãm sự phát triển của TMĐT. Dự thảo Đề cương Luật đã bổ sung quy định cụ thể định danh người bán theo pháp luật về định danh và xác thực điện tử. Đồng thời, đối với người bán nước ngoài thì phải thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự và giấy tờ chứng minh tính xác thực của người bán và cung cấp cho chủ quản nền tảng số trung gian TMĐT.

- Về hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài: Về cơ bản, hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài trong Nghị định và trong dự thảo Đề cương chi tiết Luật vẫn đang phân tách thành hai dạng thức: 1/ Hoạt động TMĐT xuyên biên giới 2/ thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam, 3/ Người bán nước ngoài nền tảng số TMĐT. Tuy nhiên, dự thảo Đề cương Luật bổ sung thêm các quy định nhằm kiểm soát hàng hóa, dịch vụ được bán/ cung cấp vào thị trường Việt Nam ở hai khía cạnh: 1/ phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn về hàng hóa, dịch vụ của thị trường Việt Nam, 2/ Phải thuộc Danh mục hàng hóa được phép nhập khẩu qua TMĐT.

- Về phân cấp, phân quyền, thủ tục hành chính đối với TMĐT: Nghị định quy định 15 thủ tục hành chính cho TMĐT và đều phân quyền cho Bộ Công Thương là nơi tiếp nhận, xử lý tất cả thủ tục hành chính. Theo chủ trương của Đảng, Nhà nước về phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính mà vẫn đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước, dự kiến Dự thảo Đề cương Luật sẽ phân cấp, phân quyền một số thủ tục hành chính cho cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, đồng thời đơn giản hóa hơn nữa thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính.

1.3.2. Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Đóng vai trò là văn bản hướng dẫn Luật, Nghị định này đã làm rõ các trách nhiệm của tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số lớn (Điều 23).

1.3.3. Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

Hoạt động TMĐT đã được đưa vào Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, dự kiến Đề cương Luật TMĐT sẽ có quy định khung các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

1.3.4. Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Nghị định bổ sung trách nhiệm của tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam là chủ sở hữu sàn TMĐT có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo quy định cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch TMĐT.

1.3.5. Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử

Nghị định này quy định chi tiết về danh tính điện tử; cấp, quản lý, sử dụng tài khoản định danh điện tử; cập nhật, lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử; điều kiện, trình tự kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử; dịch vụ xác thực điện tử; trình tự, thủ tục cấp, khóa và mở khóa căn cước điện tử và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về định danh, xác thực điện tử, căn cước điện tử.

1.3.6. Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia

Nghị định đã có quy định hướng dẫn về các biện pháp ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin và mua rượu, bia trong hoạt động bán rượu, bia theo hình thức TMĐT.

1.3.7. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Nghị định này quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Thông tin về người dùng trong TMĐT có thể bao gồm các thông tin về cá nhân như tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số điện thoại, thông tin về tài khoản số của cá nhân; dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng v.v.. Theo đó, chủ thể tham gia hoạt động TMĐT phải tuân thủ các quy định quy định về Nghị định này.

1.3.8. Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Nghị định này quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, dịch vụ TMĐT nằm trong phạm vi điều chỉnh của Nghị định. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh khi cung cấp dịch vụ TMĐT.

Như vậy, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cung cấp dịch vụ TMĐT tại thị trường Việt Nam ngoài việc tuân thủ các quy định tại dự thảo Đề cương Luật TMĐT thì cần đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

1.4. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan

1.4.1. Quy phạm hóa trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số TMĐT bán hàng

- *Luật Giao dịch điện tử năm 2023*: Luật này đã đưa ra các trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trong việc: 1/ Tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan; 2/ Cung cấp thông tin bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật nhằm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; 3/ Giám sát an toàn hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử của mình theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

Về cơ bản, nền tảng số TMĐT bán hàng cũng là một nền tảng số trong một lĩnh vực cụ thể, theo đó cũng cần tuân thủ các quy định nêu tại Luật Giao dịch điện tử. Dự thảo đề cương luật không quy định lại các quy định đã có tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

- *Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ*

Điều 27 Nghị định quy định Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT bán hàng: 1/ Thông báo với Bộ Công Thương về việc thiết lập website TMĐT bán hàng theo quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định này nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến; 2/ Thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin trên website theo các quy định tại Mục này và chịu trách nhiệm về tính

chính xác, đầy đủ của thông tin, 3/ Tuân thủ các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng quy định tại Mục 1 Chương V Nghị định này, 4/ Thực hiện các quy định, tại Mục 2 Chương II Nghị định này nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến, 5/ Thực hiện các quy định tại Mục 2 Chương V Nghị định này nếu website có chức năng thanh toán trực tuyến, 6/ Cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của mình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ hoạt động thống kê TMĐT, hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong TMĐT, 7/ Lưu trữ thông tin về các giao dịch được thực hiện qua website theo quy định của pháp luật về kế toán; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Về cơ bản ngoài các trách nhiệm đã quy định tại Nghị định, dự thảo Đề cương Luật có sự mở rộng các trách nhiệm như trách nhiệm về phân loại hàng hóa trong nước và nước ngoài bán trên nền tảng số, trách nhiệm lưu trữ đầy đủ thông tin về hàng hóa, dịch vụ trong một khoảng thời gian hợp lý.

1.4.2. Quy phạm hóa trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số trung gian TMĐT

- *Luật Giao dịch điện tử năm 2023* quy định trách nhiệm của chủ quản nền tảng số quy mô lớn ngoài việc tuân thủ các trách nhiệm chung mà còn tuân thủ các trách nhiệm sau: 1/ Công bố công khai, phổ biến cơ chế phản ánh vướng mắc và xử lý vướng mắc phát sinh trong giao dịch điện tử; 2/ Công bố công khai, phổ biến cơ chế phản ánh và xử lý nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam trên nền tảng số trung gian từ nguồn phản ánh được đánh giá là tin cậy; 3/ Định kỳ hằng năm, báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông về vụ việc đã xảy ra hoặc vụ việc có dấu hiệu, nguy cơ lợi dụng hệ thống thông tin để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam. Đối với *nền tảng số quy mô rất lớn*, Chủ quản nền tảng số trung gian quy mô rất lớn có trách nhiệm: 1/Công bố công khai nguyên tắc chung, thông số hoặc tiêu chí được sử dụng để đưa ra khuyến nghị hiển thị nội dung, hiển thị quảng cáo cho người sử dụng và cho phép người sử dụng lựa chọn phương án không sử dụng khuyến nghị hiển thị nội dung, hiển thị quảng cáo dựa trên phân tích dữ liệu về người sử dụng; 2/ Cho phép người sử dụng tháo gỡ cài đặt bất kỳ ứng dụng nào được cài đặt sẵn mà không ảnh hưởng đến các tính năng kỹ thuật cơ bản để hệ thống vận hành bình thường; 3/ Công bố công khai và phổ biến bộ quy tắc ứng xử áp dụng đối với các bên liên quan tham gia sử dụng hệ thống.

Về cơ bản, nền tảng số trung gian TMĐT cũng là một nền tảng số trong một lĩnh vực cụ thể, theo đó cũng cần tuân thủ các quy định nêu tại Luật Giao dịch điện tử. Dự thảo đề cương luật không quy định lại các quy định đã có tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

- *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023*: Đúng với tinh thần và phạm vi của luật quy định các vấn đề liên quan đến người tiêu dùng, Luật này đã nêu các trách nhiệm cụ thể của tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian đối với người tiêu dùng, cụ thể: 1/ Chỉ định, công bố công khai đầu mối liên hệ, người đại diện được ủy quyền phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; 2/ Xây dựng, công bố công khai quy chế hoạt động của nền tảng số trung gian cho người tiêu dùng, trong đó phân định rõ trách nhiệm của các bên tham gia giao dịch; 3/ Cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên nền tảng số trung gian khi người tiêu dùng giao dịch với tổ chức, cá nhân kinh doanh đó có yêu cầu; 4/ Cho phép người tiêu dùng phản hồi, đánh giá về tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh bán, cung cấp, đồng thời hiển thị đầy đủ, chính xác kết quả phản hồi, đánh giá, trừ trường hợp phản hồi, đánh giá đó vi phạm quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội; 5/ Hiển thị đầy đủ, minh bạch thông tin sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh bán, cung cấp, bao gồm các nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa, trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm, bao gồm: ngày, tháng, năm sản xuất; thời hạn sử dụng; số lô sản xuất; số khung, số máy; tiêu chuẩn kết quả cần đạt được trong cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; 6/ Chỉ định, công bố công khai đầu mối tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, nội dung thông tin trên nền tảng số trung gian; tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng đối với tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian; 7/ Có biện pháp cho phép hiển thị ưu tiên đánh giá, phản ánh, kiến nghị của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc tổ chức đánh giá tín nhiệm theo quy định của pháp luật; 8/ Trực tiếp lưu trữ thông tin hoặc cung cấp giải pháp lưu trữ thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các giao dịch liên quan, cho phép người tiêu dùng truy cập, truy vết, tải, lưu trữ và in hóa đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến giao dịch trên nền tảng số trung gian mà mình quản lý; 9/ Minh bạch hoạt động quảng cáo trên không gian mạng theo quy định của pháp luật trong trường hợp có hoạt động quảng cáo; 10/ Cung cấp báo cáo về các hoạt động kiểm duyệt nội dung đã thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 11/ Duy trì tài khoản báo cáo trực tuyến và cung cấp thông tin, dữ liệu cập nhật đến thời điểm được yêu cầu báo cáo để phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; 12/ Xác thực danh tính tổ chức, cá nhân bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số trung gian của mình; 13/ Chịu trách nhiệm với người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về TMĐT trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh

trong nước và nước ngoài bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam; 14/ Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Cũng giống như các tiếp cận phân theo quy mô hoạt động, luật này quy định *tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số lớn* ngoài các trách nhiệm giống một nền tảng số nói chung còn phải có trách nhiệm: 1/ Thiết lập kho lưu trữ quảng cáo có sử dụng thuật toán để hướng đến người tiêu dùng, nhóm người tiêu dùng cụ thể; 2/ Đánh giá định kỳ hoạt động kiểm duyệt nội dung, việc sử dụng hệ thống thuật toán và quảng cáo hướng đến người tiêu dùng, nhóm người tiêu dùng cụ thể; 3/ Đánh giá định kỳ việc thực hiện quy định xử lý tài khoản giả, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo, các giải pháp tự động toàn bộ hoặc tự động một phần.

Trên cơ sở rà soát Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2023, các tổ chức tham gia kinh doanh TMĐT đều phải tuân thủ pháp luật liên quan, trong đó có pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Luật Quản lý thuế (sửa đổi, bổ sung năm 2024)

Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, *Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân*, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính, trong đó bổ sung trách nhiệm của nhà quản lý sàn giao dịch TMĐT, nền tảng số. Theo đó, đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT, nền tảng số thì tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch TMĐT, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán (bao gồm cả tổ chức trong nước và nước ngoài) và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác theo quy định của Chính phủ thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Trường hợp hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT, nền tảng số không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay thì có nghĩa vụ trực tiếp đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế. Đối với hoạt động kinh doanh TMĐT, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Dự thảo Đề cương Luật TMĐT chỉ nêu nguyên tắc chung: các chủ thể tham gia TMĐT phải tuân thủ pháp luật về thuế. Theo đó, không quy định lại các quy định mà pháp luật về thuế đã quy định.

- Luật số 44/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược

Luật đã bổ sung một số quy định về bán lẻ, bán buôn theo phương thức TMĐT. Theo đó, việc kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo phương thức

TMĐT chỉ được phép thực hiện trên sàn giao dịch TMĐT, ứng dụng TMĐT bán hàng, trang thông tin điện tử (còn gọi là website TMĐT) bán hàng có chức năng đặt hàng trực tuyến. Theo đó, cơ sở kinh doanh phải: Chỉ được bán lẻ thuốc không kê đơn mà thuốc đó không phải là thuốc phải kiểm soát đặc biệt và không thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ; Chỉ được bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc không phải là thuốc phải kiểm soát đặc biệt; Thông báo việc kinh doanh được theo phương thức TMĐT đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; Tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, *pháp luật về TMĐT*, pháp luật về quảng cáo, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định khác của pháp luật có liên quan; Cơ sở bán lẻ thuốc phải tổ chức tư vấn, hướng dẫn trực tuyến về cách sử dụng thuốc cho người mua thuốc và tổ chức thực hiện giao thuốc đến người mua theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Như vậy, trong mối tương quan với Luật Dược, Luật TMĐT đóng vai trò là luật khung, Luật Dược đóng vai trò là luật chuyên ngành. Các chủ thể tham gia bán lẻ, bán buôn thuốc qua phương thức TMĐT ngoài việc tuân thủ pháp luật về TMĐT, thì phải tuân thủ Luật Dược và các văn bản hướng dẫn.

- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019

Luật quy định một số đặc thù cho hoạt động bán rượu, bia theo hình thức TMĐT, theo đó, điều kiện bán rượu, bia theo hình thức TMĐT bao gồm: 1/ Đáp ứng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 15 và Điều 18 của Luật này. 2/ Đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về TMĐT, 3/ Thực hiện biện pháp theo quy định của Chính phủ để ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin và mua rượu, bia, 4/ Áp dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Như vậy, cũng giống như Luật Dược, Luật TMĐT đóng vai trò là luật khung, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 đóng vai trò là luật chuyên ngành. Các chủ thể tham gia bán rượu, bia qua phương thức TMĐT ngoài việc tuân thủ pháp luật về TMĐT, thì phải tuân thủ Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 và các văn bản hướng dẫn.

- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ

Điều 36 Nghị định quy định tách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT: 1. Đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT theo quy định tại Mục 2 Chương IV Nghị định này và công bố các thông tin về người sở hữu website theo quy định tại Điều 29 Nghị định này trên trang chủ website, 2/ Xây dựng và công bố công khai trên website quy chế hoạt động của sàn giao dịch TMĐT theo quy định tại Điều 38 Nghị định này;

theo dõi và bảo đảm việc thực hiện quy chế đó trên sàn giao dịch TMĐT, 3/ Yêu cầu người bán trên sàn giao dịch TMĐT cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 29 Nghị định này khi đăng ký sử dụng dịch vụ. Với người bán nước ngoài, các tên riêng được phiên âm tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La tinh, 4/ Có cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin của người bán trên sàn giao dịch TMĐT được thực hiện chính xác, đầy đủ, 5/ Lưu trữ thông tin đăng ký của các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia sàn giao dịch TMĐT và thường xuyên cập nhật những thông tin thay đổi, bổ sung có liên quan, 6/ Thiết lập cơ chế cho phép thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia sàn giao dịch TMĐT thực hiện được quy trình giao kết hợp đồng theo quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định này nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến, 7 Áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của thương nhân, tổ chức, cá nhân và thông tin cá nhân của người tiêu dùng, 8/ Có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật trên sàn giao dịch TMĐT, 9/ Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra, xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, 10/ Công bố công khai cơ chế giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình giao dịch trên sàn giao dịch TMĐT. Khi khách hàng trên sàn giao dịch TMĐT phát sinh mâu thuẫn với người bán hoặc bị tổn hại lợi ích hợp pháp, phải cung cấp cho khách hàng thông tin về người bán, tích cực hỗ trợ khách hàng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, 11/ Đối với những sàn giao dịch TMĐT có chức năng đặt hàng trực tuyến, ngoài các nghĩa vụ trên, thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT có trách nhiệm: a) Chỉ định đầu mối tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin trực tuyến cho cơ quan quản lý nhà nước về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; đầu mối này sẽ cung cấp thông tin trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu để kịp thời phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo; b) Đại diện cho người bán nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do thương nhân nước ngoài cung cấp và có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ thuế của người bán nước ngoài khi tham gia sàn giao dịch TMĐT theo quy định của pháp luật Việt Nam; c) Là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng trong trường hợp một giao dịch thực hiện trên sàn giao dịch TMĐT có nhiều hơn 02 bên tham gia; d) Lưu trữ thông tin về các giao dịch đặt hàng được thực hiện trên sàn giao dịch TMĐT theo quy định của pháp luật về kế toán; đ) Liên đới bồi thường thiệt hại trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 8, khoản 9 Điều này mà gây thiệt hại.

Về trách nhiệm của chủ quản nền tảng số cung cấp dịch vụ TMĐT: Về cơ bản ngoài các trách nhiệm đã quy định tại Nghị định, dự thảo Đề cương Luật có sự phân tách rõ ràng các trách nhiệm bao gồm trách nhiệm chung, trách nhiệm

với người tiêu dùng, và trách nhiệm với người bán trên nền tảng số.

- Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Đóng vai trò là văn bản hướng dẫn Luật, Nghị định này đã làm rõ các trách nhiệm của tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số lớn tại Điều 23 như sau: 1/ Công bố công khai tiêu chí xác định ưu tiên hiển thị sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nếu nền tảng số có chức năng tìm kiếm. Trường hợp nội dung hiển thị là nội dung có thu phí hoặc được tài trợ thì phải công khai tại kết quả tìm kiếm sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Việc xây dựng và công bố áp dụng các tiêu chí để xác định việc ưu tiên hiển thị sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khi sử dụng chức năng tìm kiếm phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan; 2/ Duy trì tài khoản báo cáo trực tuyến và cung cấp các thông tin, dữ liệu dưới đây, cập nhật đến thời điểm được yêu cầu báo cáo để phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, 3/ Tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số lớn có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu tại khoản 2 Điều này bằng hình thức trực tuyến đến cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương trong thời hạn là 05 ngày làm việc kể từ ngày được yêu cầu báo cáo và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, toàn vẹn của thông tin, dữ liệu được cung cấp và tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của thông tin, dữ liệu.

- Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Nghị định bổ sung trách nhiệm của tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam là chủ sở hữu sàn TMĐT có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo quy định cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch TMĐT bao gồm: tên người bán hàng, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện thoại liên lạc; doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn. Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hàng quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, bằng phương thức điện tử, qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo định dạng dữ liệu do Tổng cục Thuế công bố. Theo đó, dự thảo Đề cương Luật TMĐT không quy định các vấn đề chi tiết về thuế mà chỉ nêu nguyên tắc các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT tuân thủ pháp luật về thuế.

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định

chi tiết một số của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia

Nghị định đã có quy định hướng dẫn về các biện pháp ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin và mua rượu, bia trong hoạt động bán rượu, bia theo hình thức TMĐT. Theo đó, Tổ chức, cá nhân bán rượu, bia theo hình thức TMĐT; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ TMĐT cho các thương nhân, tổ chức, cá nhân khác bán rượu, bia phải thực hiện biện pháp ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin và mua rượu, bia bảo đảm các yêu cầu sau đây: 1/ Có ứng dụng khai báo tên, tuổi của người truy cập trước khi người đó truy cập, tìm kiếm thông tin; khai báo các thông tin về tên, địa chỉ cư trú của người mua, thông tin thanh toán qua tài khoản, thẻ ngân hàng hoặc các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt khác khi người đó thực hiện giao dịch mua rượu, bia; 2/ Thông tin về sản phẩm rượu, bia trên website TMĐT của tổ chức, cá nhân bán rượu, bia không được liên kết, quảng bá đến các tài khoản người dùng chưa đủ 18 tuổi; các trang, kênh, phương tiện thông tin khác trên môi trường mạng dành riêng cho người chưa đủ 18 tuổi hoặc có đa số người sử dụng, truy cập chưa đủ 18 tuổi, 3/ Tổ chức, cá nhân bán rượu, bia có trách nhiệm kiểm tra tuổi của người nhận hàng trong trường hợp nghi ngờ về độ tuổi của người đó, bảo đảm người nhận hàng phải từ đủ 18 tuổi trở lên khi giao hàng.

1.4.3. Quy phạm hóa định danh người bán trên nền tảng số trung gian TMĐT

- Luật An ninh mạng năm 2018

Điểm c khoản 5 Điều 2 quy định: “Dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin bao gồm dịch vụ trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin có kết nối mạng phục vụ quản lý, điều hành của cơ quan, tổ chức, tập đoàn kinh tế, tài chính quan trọng; cơ sở dữ liệu quốc gia. Dịch vụ trực tuyến bao gồm chính phủ điện tử, *TMĐT*, trang thông tin điện tử, diễn đàn trực tuyến, mạng xã hội, blog”. Tuy nhiên, Luật cũng không có quy định các nội dung liên quan đến dịch vụ trực tuyến.

Khoản 2 Điều 26 Luật An ninh mạng quy định: “Doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có trách nhiệm sau đây: *Xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số*; bảo mật thông tin, tài khoản của người dùng; cung cấp thông tin người dùng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng”. Như vậy, bước đầu Luật An ninh mạng đã đưa trách nhiệm của doanh nghiệp phải xác thực thông tin người dùng đăng ký tài khoản số.

- Luật Căn cước năm 2023

Luật quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, căn cước điện tử; giấy chứng nhận căn cước; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Theo đó, Luật là tiền đề để thực hiện việc định danh và xác thực điện tử cho tổ chức, cá nhân.

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử

Nghị định quy định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân được tạo lập *tài khoản giao dịch điện tử* theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử để phục vụ giao dịch, hoạt động của mình và *chịu trách nhiệm xác thực, bảo đảm tính chính xác của tài khoản do mình tạo lập, quyết định mức độ và giá trị sử dụng của từng mức độ tài khoản*. Thông tin để tạo lập tài khoản giao dịch điện tử phải do chủ thể của tài khoản cung cấp và đồng ý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để tạo lập tài khoản” (khoản 7 Điều 9). Như vậy, Nghị định cũng chưa quy định loại tài khoản giao dịch điện tử nào bắt buộc phải định danh theo quy định tại Nghị định.

- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ

Về vấn đề định danh người bán trên nền tảng số trung gian TMĐT: Nghị định không quy định cụ thể phương thức bắt buộc phải sử dụng để định danh một người bán trên sàn giao dịch TMĐT, điều đó gây ra nhiều bất cập về việc truy vết người bán cũng như kho hàng trên thực tế, kìm hãm sự phát triển của TMĐT. Dự thảo Đề cương Luật đã bổ sung quy định cụ thể định danh người bán theo pháp luật về định danh và xác thực điện tử. Đồng thời, đối với người bán nước ngoài thì phải thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự và giấy tờ chứng minh tính xác thực của người bán và cung cấp cho chủ quản nền tảng số trung gian TMĐT.

1.4.4. Tăng cường quản lý nhà nước thông qua Nền tảng quản lý hoạt động TMĐT và đẩy mạnh phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT

- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ

Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định về vai trò và chức năng của Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT. Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT là một nền tảng trực tuyến do Bộ Công Thương Việt Nam xây dựng và vận hành (thông qua Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số), nhằm mục tiêu quản lý, giám sát và hỗ trợ các hoạt động TMĐT tại Việt Nam. Cổng thông tin này thực hiện các chức năng chính như: tiếp nhận và xử lý thủ tục thông báo, đăng ký website và ứng dụng TMĐT; công khai danh sách các đơn vị đã đăng ký hợp lệ; tiếp nhận phản ánh, khiếu nại từ người tiêu dùng; cung cấp tài liệu pháp lý, hướng dẫn thực

hiện; và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan quản lý liên quan. Dự kiến dự thảo Đề cương Luật sẽ quy phạm hóa khái niệm Nền tảng Quản lý hoạt động TMĐT thay thế khái niệm về Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT để phù hợp với các khái niệm về mô hình hoạt động mới. Vai trò và chức năng của Nền tảng quản lý hoạt động TMĐT tại dự thảo thống nhất với quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Kết luận: Pháp luật hiện hành đã có các quy định về nền tảng số, nền tảng số trung gian, quy định về cách thức định danh v.v... Về bản chất, nền tảng số TMĐT cũng là một hình thức hoạt động của nền tảng số nói chung, theo đó cần tuân thủ các quy định pháp luật liên quan. Dự thảo Đề cương Luật và các chính sách nêu rõ nguyên tắc chủ thể tham gia hoạt động TMĐT ngoài việc tuân thủ pháp luật TMĐT thì cần tuân thủ pháp luật chuyên ngành như giao dịch điện tử, bảo vệ người tiêu dùng, định danh và xác thực điện tử v.v... Dự thảo Đề cương Luật không quy định lại các nội dung đã quy định tại pháp luật khác, chỉ quy định các đặc thù chưa được quy định ở đâu và đảm bảo chủ trương của Đảng, Nhà nước cũng như đảm bảo quản lý nhà nước về TMĐT, đáp ứng yêu cầu về kinh tế - xã hội, đưa TMĐT sẽ là một phương thức tiến hành hoạt động thương mại tiên tiến, tạo cơ hội cho đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ ứng dụng trong lĩnh vực TMĐT, góp phần thúc đẩy kinh tế số của đất nước.

2. Chính sách 2: Quy định loại hình và trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam, hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực TMĐT tại Việt Nam, người bán nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam

Giải pháp của chính sách:

- Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam;

- Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia đầu tư vào hoạt động TMĐT;
- Quy định định danh người bán nước ngoài và trách nhiệm của người bán nước ngoài

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật:

2.1. Văn bản cấp Luật

2.2.1. Luật Quản lý ngoại thương 2017

Luật này quy định về biện pháp quản lý ngoại thương, phát triển hoạt động ngoại thương; giải quyết tranh chấp về áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương.

2.2.2. Luật Giao dịch điện tử năm 2023

Luật này quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử, áp dụng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia giao dịch điện tử hoặc có liên quan đến giao dịch điện tử.

Luật có các quy định về trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian quy mô lớn, trách nhiệm của chủ quản nền tảng số quy mô rất lớn.

Về cơ bản, nền tảng số TMĐT cũng là một nền tảng số trong một lĩnh vực cụ thể, theo đó cũng cần tuân thủ các quy định nêu tại Luật Giao dịch điện tử. Dự thảo đề cương luật không quy định lại các quy định đã có tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

2.2.6. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023

Luật này quy định về nguyên tắc, chính sách bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng; hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của cơ quan, tổ chức; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh; quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Luật này đã nêu các trách nhiệm cụ thể của tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian đối với người tiêu dùng.

2.2.7. Luật Đầu tư năm 2020

Luật này quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài. Theo đó, hoạt động TMĐT là một trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư. Đồng thời, Luật đã đưa ra các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm: a) Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; b) Hình thức đầu tư; c) Phạm vi hoạt động đầu tư; d) Năng lực của nhà đầu tư; đối tác tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; đ) Điều kiện khác theo quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; giao Chính phủ quy định chi tiết về Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

2.2.8. Luật Quản lý thuế (sửa đổi, bổ sung năm 2024)

Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, *Luật Quản lý thuế*, *Luật Thuế thu nhập cá nhân*, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính, trong đó bổ sung trách nhiệm của nhà

quản lý sàn giao dịch TMĐT, nền tảng số.

2.2. Văn bản dưới Luật

2.2.1. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ

Đây là văn bản điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực TMĐT. Nghị định quy định các mô hình, chủ thể tham gia hoạt động TMĐT và trách nhiệm của các chủ thể đó. Có thể kể đến một số nội dung chính sau:

- Phạm vi điều chỉnh: 1/Thương nhân, tổ chức, cá nhân Việt Nam, 2/Cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam, 3/Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động TMĐT quy định tại Mục 5 Chương IV Nghị định này tại Việt Nam. Về cơ bản dự thảo Đề cương Luật đã mở rộng thêm đối tượng là cá nhân nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam, bao gồm cả cư trú và không cư trú.

- Về hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài: Về cơ bản, hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài trong Nghị định và trong dự thảo Đề cương chi tiết Luật vẫn đang phân tách thành hai dạng thức: 1/ Hoạt động TMĐT xuyên biên giới 2/ thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam, 3/ Người bán nước ngoài nền tảng số TMĐT. Tuy nhiên, dự thảo Đề cương Luật bổ sung thêm các quy định nhằm kiểm soát hàng hóa, dịch vụ được bán/ cung cấp vào thị trường Việt Nam ở hai khía cạnh: 1/ phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn về hàng hóa, dịch vụ của thị trường Việt Nam, 2/ Phải thuộc Danh mục hàng hóa được phép nhập khẩu qua TMĐT.

2.2.2. Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Đóng vai trò là văn bản hướng dẫn Luật, Nghị định này đã làm rõ các trách nhiệm của tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số lớn (Điều 23).

2.2.3. Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

Hoạt động TMĐT đã được đưa vào Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, dự kiến Đề cương Luật TMĐT sẽ có quy định khung các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

2.2.4. Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Nghị định bổ sung trách nhiệm của tổ chức được thành lập và hoạt động

theo pháp luật Việt Nam là chủ sở hữu sàn TMĐT có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo quy định cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch TMĐT.

2.3.5. Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Nghị định này quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, dịch vụ TMĐT nằm trong phạm vi điều chỉnh của Nghị định. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh khi cung cấp dịch vụ TMĐT.

Như vậy, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cung cấp dịch vụ TMĐT tại thị trường Việt Nam ngoài việc tuân thủ các quy định tại dự thảo Đề cương Luật TMĐT thì vẫn cần đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

2.3. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan

2.3.1. Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam

- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 quy định Quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa

- Luật Quản lý Thuế 2019 & Nghị định 126/2020/NĐ-CP Điều 42, Khoản 4: quy định về nghĩa vụ thuế của nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam khi cung cấp dịch vụ cho cá nhân, tổ chức Việt Nam. Đối với hoạt động kinh doanh TMĐT, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Nghị định 85/2021/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 52 về TMĐT) Điều 67a. Thương nhân, tổ chức nước ngoài có website cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam

Quy định về trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT xuyên biên giới không có hiện diện tại Việt Nam chưa được điều chỉnh tại văn bản cấp

luật, theo đó quy định trên đảm bảo tính thống nhất, không mâu thuẫn chồng chéo với văn bản cấp luật nào.

2.3.2. Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia đầu tư vào hoạt động TMĐT

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14: Điều 9 quy định về ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; theo đó quy định Nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định 09/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

- Nghị định 85/2021/NĐ-CP: Điều 67c đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực TMĐT

Hoạt động TMĐT là ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, việc quy định về hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực TMĐT phù hợp với pháp luật về đầu tư.

2.3.3. Quy định định danh người bán nước ngoài và trách nhiệm của người bán nước ngoài

Nghị định 85/2021/NĐ-CP: Điều 67b. Thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa trên sàn giao dịch TMĐT Việt Nam Quy định về định danh người bán nước ngoài trong TMĐT chưa được quy định cụ thể tại văn bản cấp luật. Theo đó, không gây mâu thuẫn chồng chéo với hạ tầng pháp luật hiện hành.

3. Chính sách 3: Quy định loại hình và trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng số đa dịch vụ, mạng xã hội có hoạt động TMĐT

Giải pháp của chính sách:

- Quy định khái niệm nền tảng số đa dịch vụ, mạng xã hội có hoạt động TMĐT;

- Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia mạng xã hội có hoạt động TMĐT;

- Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia nền tảng số đa dịch vụ.

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật:

3.1. Văn bản cấp luật

Không có.

3.2. Văn bản dưới Luật

- Nghị định 147/2024/NĐ-CP về quản lý sử dụng internet và thông tin trên mạng có quy định về trách nhiệm của chủ thể cung cấp mạng xã hội trong việc xác thực tài khoản của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội bằng số điện thoại di động hoặc bằng số định danh cá nhân trong trường hợp không có số di động tại Việt Nam.

- Nghị định 85/2021/NĐ-CP đã bổ sung mạng xã hội có một trong các đặc tính sau thì được coi là sàn giao dịch TMĐT và phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý giống như sàn giao dịch TMĐT: (a) cho phép người tham gia mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ; (b) cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng; (c) có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ, đồng thời người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc thực hiện các hoạt động đó.

3.3. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan

3.3.1. Quy định khái niệm nền tảng số đa dịch vụ, mạng xã hội có hoạt động TMĐT

Chưa được định nghĩa một cách chính thức và cụ thể trong một văn bản quy phạm pháp luật nào của Việt Nam; Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

3.3.2. Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia mạng xã hội có hoạt động TMĐT

- Nghị định 147/2024/NĐ-CP về quản lý sử dụng internet và thông tin trên mạng có quy định về trách nhiệm của chủ thể cung cấp mạng xã hội

+ Điều 35. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước

+ Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội trong nước và mạng xã hội nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam

- Nghị định 85/2021/NĐ-CP đã bổ sung mạng xã hội có một trong các đặc tính sau thì được coi là sàn giao dịch TMĐT và phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý giống như sàn giao dịch TMĐT: (a) cho phép người tham gia mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ; (b) cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng; (c) có

chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ, đồng thời người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc thực hiện các hoạt động đó.

Chính sách này nhằm cụ thể hóa các trách nhiệm của chủ thể tham gia mạng xã hội có hoạt động TMĐT. Hiện chủ thể này chưa được quy định cụ thể ở văn bản cấp luật. Theo đó, chính sách này không mâu thuẫn chồng chéo với quy định pháp luật hiện hành.

3.3.3. Quy định trách nhiệm của chủ thể tham gia nền tảng số đa dịch vụ

Chưa được quy định ở văn bản nào. Đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật

Chính sách 4: Quy định về dịch vụ hỗ trợ TMĐT và trách nhiệm của các chủ thể liên quan

Các giải pháp thực hiện chính sách

- Quy định khái niệm các dịch vụ hỗ trợ TMĐT;
- Quy định trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ logistics;
- Quy định trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ thanh toán;
- Quy định trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết, tư vấn bán hàng;
- Quy định trách nhiệm của chủ thể đánh giá tín nhiệm trong TMĐT;
- Quy định trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

4.1 Văn bản cấp Luật

4.1.1. Luật Thương mại

Luật này quy định Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao. Dịch vụ logistics được phiên âm theo tiếng Việt là dịch vụ lô-gi-stíc.

Luật này quy định quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 1/ Được hưởng thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác; 2/ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có lý do chính đáng vì lợi ích của khách hàng thì thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics có

thể thực hiện khác với chỉ dẫn của khách hàng, nhưng phải thông báo ngay cho khách hàng; 3/ Khi xảy ra trường hợp có thể dẫn đến việc không thực hiện được một phần hoặc toàn bộ những chỉ dẫn của khách hàng thì phải thông báo ngay cho khách hàng để xin chỉ dẫn; 4/ Trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn cụ thể thực hiện nghĩa vụ với khách hàng thì phải thực hiện các nghĩa vụ của mình trong thời hạn hợp lý. Khi thực hiện việc vận chuyển hàng hóa, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics phải tuân thủ các quy định của pháp luật và tập quán vận tải.

Luật này quy định trừ trường hợp có thỏa thuận khác, khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 1. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng; 2. Cung cấp đầy đủ chỉ dẫn cho thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics; 3. Thông tin chi tiết, đầy đủ, chính xác và kịp thời về hàng hoá cho thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics; 4. Đóng gói, ghi ký mã hiệu hàng hoá theo hợp đồng mua bán hàng hoá, trừ trường hợp có thỏa thuận để thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics đảm nhận công việc này; 5. Bồi thường thiệt hại, trả các chi phí hợp lý phát sinh cho thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics nếu người đó đã thực hiện đúng chỉ dẫn của mình hoặc trong trường hợp do lỗi của mình gây ra; 6. Thanh toán cho thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics mọi khoản tiền đã đến hạn thanh toán.

Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không phải chịu trách nhiệm về những tổn thất đối với hàng hoá phát sinh trong các trường hợp sau đây: 1/ Tổn thất là do lỗi của khách hàng hoặc của người được khách hàng uỷ quyền; 2/ Tổn thất phát sinh do thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics làm đúng theo những chỉ dẫn của khách hàng hoặc của người được khách hàng uỷ quyền; 3/ Tổn thất là do khuyết tật của hàng hoá; 4/ Tổn thất phát sinh trong những trường hợp miễn trách nhiệm theo quy định của pháp luật và tập quán vận tải nếu thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics tổ chức vận tải; 5/ Thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không nhận được thông báo về khiếu nại trong thời hạn mười bốn ngày, kể từ ngày thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics giao hàng cho người nhận; 5/ Sau khi bị khiếu nại, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không nhận được thông báo về việc bị kiện tại Trọng tài hoặc Tòa án trong thời hạn chín tháng, kể từ ngày giao hàng. Thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không phải chịu trách nhiệm về việc mất khoản lợi đáng lẽ được hưởng của khách hàng, về sự chậm trễ hoặc thực hiện dịch vụ logistics sai địa điểm không do lỗi của mình.

Luật này giới hạn trách nhiệm dịch vụ logistics, trừ trường hợp có thỏa thuận khác, toàn bộ trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không vượt quá giới hạn trách nhiệm đối với tổn thất toàn bộ hàng hoá. Thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không được hưởng quyền giới hạn trách nhiệm

bồi thường thiệt hại, nếu người có quyền và lợi ích liên quan chứng minh được sự mất mát, hư hỏng hoặc giao trả hàng chậm là do thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics cố ý hành động hoặc không hành động để gây ra mất mát, hư hỏng, chậm trễ hoặc đã hành động hoặc không hành động một cách mạo hiểm và biết rằng sự mất mát, hư hỏng, chậm trễ đó chắc chắn xảy ra.

Luật này quy định quyền cầm giữ và định đoạt hàng hoá, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics có quyền cầm giữ một số lượng hàng hoá nhất định và các chứng từ liên quan đến số lượng hàng hoá đó để đòi tiền nợ đã đến hạn của khách hàng nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho khách hàng. Sau thời hạn bốn mươi lăm ngày kể từ ngày thông báo cầm giữ hàng hoá hoặc chứng từ liên quan đến hàng hoá, nếu khách hàng không trả tiền nợ thì thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics có quyền định đoạt hàng hoá hoặc chứng từ đó theo quy định của pháp luật; trong trường hợp hàng hoá có dấu hiệu bị hư hỏng thì thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics có quyền định đoạt hàng hoá ngay khi có bất kỳ khoản nợ đến hạn nào của khách hàng. Trước khi định đoạt hàng hoá, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics phải thông báo ngay cho khách hàng biết về việc định đoạt hàng hoá đó. Mọi chi phí cầm giữ, định đoạt hàng hoá do khách hàng chịu. Thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics được sử dụng số tiền thu được từ việc định đoạt hàng hoá để thanh toán các khoản mà khách hàng nợ mình và các chi phí có liên quan; nếu số tiền thu được từ việc định đoạt vượt quá giá trị các khoản nợ thì số tiền vượt quá phải được trả lại cho khách hàng. Kể từ thời điểm đó, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không phải chịu trách nhiệm đối với hàng hoá hoặc chứng từ đã được định đoạt.

Luật này quy định nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics khi cầm giữ hàng hoá. Khi chưa thực hiện quyền định đoạt hàng hoá, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics thực hiện quyền cầm giữ hàng hoá có các nghĩa vụ sau đây: 1/Bảo quản, giữ gìn hàng hoá; 2/ Không được sử dụng hàng hoá nếu không được bên có hàng hoá bị cầm giữ đồng ý; 3. Bồi thường thiệt hại cho bên có hàng hoá bị cầm giữ nếu làm mất mát hoặc hư hỏng hàng hoá cầm giữ.

4.1.2. Luật Sở hữu trí tuệ

Luật này quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian: là doanh nghiệp cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin số trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm triển khai các biện pháp kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ

thể quyền thực thi các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được miễn trừ trách nhiệm pháp lý đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet liên quan đến việc cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ của mình trong các trường hợp sau đây: 1/ Chỉ thực hiện việc truyền dẫn nội dung thông tin số hoặc cung cấp khả năng truy nhập đến nội dung thông tin số; 2/ Khi thực hiện chức năng lưu trữ đệm trong quá trình truyền dẫn thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải thực hiện một cách tự động, tạm thời nhằm mục đích trung chuyển thông tin và làm cho việc truyền dẫn thông tin hiệu quả hơn, với các điều kiện sau: chỉ biến đổi thông tin vì lý do công nghệ; tuân thủ các điều kiện truy nhập, sử dụng nội dung thông tin số; tuân thủ các quy tắc về cập nhật nội dung thông tin số được quy định cụ thể theo cách thức được ngành công nghiệp thừa nhận và sử dụng rộng rãi; không ngăn cản việc sử dụng hợp pháp công nghệ được thừa nhận rộng rãi trong ngành công nghiệp để lấy dữ liệu về việc sử dụng nội dung thông tin số; gỡ bỏ nội dung thông tin số hoặc không cho truy nhập đến nội dung thông tin số khi biết rằng nội dung thông tin số đó đã được gỡ bỏ tại nguồn khởi đầu hoặc nguồn khởi đầu đã hủy việc truy nhập đến nội dung thông tin số đó; 3/ Lưu trữ nội dung thông tin số của người sử dụng dịch vụ theo yêu cầu của người sử dụng dịch vụ với các điều kiện sau: không biết rằng nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; có hành động nhanh chóng gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập đến nội dung thông tin số đó khi biết rằng nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

4.1.3. Luật Bưu chính

Luật này quy định dịch vụ bưu chính là: là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi bằng các phương thức từ địa điểm của người gửi đến địa điểm của người nhận qua mạng bưu chính, trừ phương thức điện tử.

Luật này quy định quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 1/ Thiết lập mạng bưu chính để cung ứng dịch vụ bưu chính; 2/ Được thanh toán đủ giá cước dịch vụ bưu chính mà mình cung ứng; 3/ Kiểm tra nội dung gói, kiện hàng hoá trước khi chấp nhận; 4/ Từ chối cung ứng dịch vụ bưu chính nếu phát hiện bưu gửi vi phạm quy định tại Điều 12 của Luật này và quy định về điều kiện cung ứng dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp; 5/ Xử lý bưu gửi không có người nhận quy định tại khoản 5 Điều 17 của Luật này; 6/ Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về dịch vụ bưu chính cho người sử dụng dịch vụ bưu chính; 7/ Niêm yết công khai tại điểm phục vụ Danh mục vật phẩm, hàng hoá không được gửi, chấp nhận, vận

chuyển qua mạng bưu chính; 8/ Bảo đảm an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính theo quy định; 9/ Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi cố ý chấp nhận bưu gửi vi phạm quy định; 10/ Không được tiết lộ thông tin về sử dụng dịch vụ bưu chính của tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật này; 11/ Không được cung ứng dịch vụ bưu chính vi phạm quy định về phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng dưới mọi hình thức; 12/ Hưởng thù lao, chi phí hợp lý khi thay mặt người sử dụng dịch vụ bưu chính thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi quốc tế; 13/ Thực hiện dịch vụ thay đổi họ tên, địa chỉ người nhận, rút lại bưu gửi, chuyển tiếp, chuyển hoàn bưu gửi; 14/ Giải quyết khiếu nại, tranh chấp, bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.1.3. Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Theo quy định của luật này dịch vụ trung gian thanh toán là hoạt động làm trung gian kết nối, truyền dẫn và xử lý dữ liệu điện tử các giao dịch thanh toán giữa tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và người sử dụng dịch vụ thanh toán.

4.2. Văn bản dưới Luật

4.2.1. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMDT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ

Nghị định này quy định điều kiện tiến hành hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMDT: Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam; Độc lập về mặt tổ chức và tài chính với các thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMDT được đánh giá tín nhiệm; Có bộ tiêu chí và quy trình đánh giá website TMDT được công bố công khai, minh bạch, áp dụng thống nhất cho các đối tượng được đánh giá; Đã đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMDT với Bộ Công Thương và được xác nhận đăng ký.

Nghị định này quy định nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức đánh giá tín nhiệm website TMDT: Giám sát hoạt động của các website TMDT đã được gắn biểu tượng tín nhiệm; Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các website TMDT đã được gắn biểu tượng tín nhiệm nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Trước ngày 05 hàng tháng, báo cáo Bộ Công Thương danh sách cập nhật các website TMDT đã được gắn biểu tượng tín nhiệm tính đến cuối tháng trước đó; Trước ngày 15/01 hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương về hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMDT của năm trước đó.

Điều 75 Nghị định này quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website TMDT: 1. Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam ban hành. 2. Lưu trữ dữ liệu về từng giao dịch thanh toán thực hiện qua hệ thống của mình theo thời hạn quy định tại Luật kế toán. 3. Liên đới chịu trách nhiệm với thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán của mình trong trường hợp thông tin thanh toán của khách hàng qua website đó bị thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, di chuyển trái phép hoặc bị chiếm đoạt gây thiệt hại cho khách hàng. 4. Trước ngày 15/01 hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương số liệu thống kê về tình hình cung cấp dịch vụ cho các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động TMĐT

4.2.2. Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian là các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp một, một số hoặc toàn bộ các dịch vụ sau: Dịch vụ “chỉ truyền dẫn” là dịch vụ truyền dẫn trên mạng viễn thông và mạng Internet nội dung thông tin số do người sử dụng dịch vụ cung cấp hoặc dịch vụ cung cấp khả năng truy nhập vào mạng viễn thông và mạng Internet; Dịch vụ “lưu trữ đệm” là dịch vụ truyền dẫn trên mạng viễn thông và mạng Internet nội dung thông tin số do người sử dụng dịch vụ cung cấp mà có hoạt động lưu trữ tự động, trung chuyển và tạm thời nội dung thông tin số đó. Hoạt động lưu trữ tự động, trung chuyển và tạm thời này được thực hiện với mục đích duy nhất là làm cho việc chuyển tiếp nội dung thông tin số đó một cách hiệu quả hơn đến người sử dụng dịch vụ khác theo yêu cầu của họ; Dịch vụ “lưu trữ nội dung thông tin số theo yêu cầu” là dịch vụ cho người sử dụng lưu trữ nội dung thông tin số do người sử dụng cung cấp theo yêu cầu của họ.

Nghị định này quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian bao gồm: Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet; Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng trong trường hợp kênh thuê riêng không được sử dụng để cung cấp các dịch vụ theo quy định tại các điểm c và d khoản này; Doanh nghiệp cho thuê chỗ đặt máy chủ, cho thuê máy chủ dùng riêng trong trường hợp máy chủ không được sử dụng để cung cấp dịch vụ theo quy định tại điểm d khoản này; Doanh nghiệp cho thuê chỗ lưu trữ nội dung thông tin số theo yêu cầu; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tìm kiếm nội dung thông tin số.

Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian:

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian này phải xây dựng công cụ tiếp nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Công cụ tiếp nhận yêu cầu là một trong các công cụ sau: Chương trình máy tính để tiếp nhận yêu cầu; Trang thông tin

điện tử để tiếp nhận yêu cầu; Các hòm thư điện tử để tiếp nhận yêu cầu; Cổng điện tử tiếp nhận yêu cầu; Công cụ tiếp nhận yêu cầu khác có chức năng tương tự. Xác nhận gửi thành công yêu cầu qua công cụ tiếp nhận được coi là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian đã nhận được yêu cầu.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thông báo đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và công khai trên trang thông tin điện tử của mình. Đầu mối liên lạc bao gồm ít nhất các thông tin sau: địa chỉ thư điện tử, số điện thoại liên hệ.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ về trách nhiệm pháp lý của họ nếu họ thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số; bảo mật thông tin, tài khoản của người dùng; cung cấp thông tin người dùng khi nhận được yêu cầu bằng văn bản từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi biết nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khi triển khai này có trách nhiệm công bố quy trình nội bộ xử lý yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc yêu cầu phản đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số trên hệ thống dịch vụ của mình.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải chấp hành công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khai thác, sử dụng nội dung thông tin số được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan do người sử dụng dịch vụ của mình đăng tải trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet vì mục đích thương mại thì phải thực hiện nghĩa vụ xin phép và trả tiền bản quyền.

4.2.3. Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 Quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics.

Nghị định này quy định giới hạn trách nhiệm là hạn mức tối đa mà thương

nhân kinh doanh dịch vụ logistics chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng đối với những tổn thất phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dịch vụ logistics theo quy định tại Nghị định này.

Trong trường hợp pháp luật liên quan có quy định về giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics thì thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Trường hợp pháp luật liên quan không quy định giới hạn trách nhiệm thì giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên không có thoả thuận thì thực hiện như sau: Trường hợp khách hàng không có thông báo trước về trị giá của hàng hóa thì giới hạn trách nhiệm tối đa là 500 triệu đồng đối với mỗi yêu cầu bồi thường; Trường hợp khách hàng đã thông báo trước về trị giá của hàng hóa và được thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics xác nhận thì giới hạn trách nhiệm sẽ không vượt quá trị giá của hàng hóa đó. Giới hạn trách nhiệm đối với trường hợp thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics tổ chức thực hiện nhiều công đoạn có quy định giới hạn trách nhiệm khác nhau là giới hạn trách nhiệm của công đoạn có giới hạn trách nhiệm cao nhất.

4.2.4. Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về Quy định về thanh toán không dùng tiền mặt

Nghị định này quy định tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán là tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Dịch vụ trung gian thanh toán bao gồm: dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử. Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Nghị định quy định trách nhiệm của các bên trung gian thanh toán:

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong thanh toán theo quy định của pháp luật và được quy định các biện pháp đảm bảo an toàn trong hoạt động thanh toán phù hợp với các quy định pháp luật liên quan. Khách hàng sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ tuân thủ các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong thanh toán theo quy định và hướng dẫn của các tổ chức cung ứng dịch vụ.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải có biện pháp kiểm tra, giám sát các đơn vị chấp nhận thanh toán nhằm phát hiện và giải quyết hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử

lý các hành vi vi phạm về hoạt động thanh toán theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải có biện pháp quản trị rủi ro, phòng, chống việc sử dụng, lợi dụng việc cung ứng phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, thực hiện giao dịch thanh toán khống (giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ mà không phát sinh việc mua bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ) hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, giấy tờ và chứng từ theo quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khi thực hiện thanh toán ngoại tệ và thanh toán quốc tế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải áp dụng các biện pháp xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ liên quan đến các giao dịch thực tế để đảm bảo việc thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Nghị định quy định quyền về thông tin, báo cáo:

- Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung cấp thông tin có liên quan tới việc cung ứng dịch vụ theo định kỳ và đột xuất; việc cung cấp thông tin này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có quyền yêu cầu khách hàng sử dụng dịch vụ cung cấp thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ của mình.

Nghị định quy định nghĩa vụ về thông tin, báo cáo:

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có nghĩa vụ báo cáo và cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có nghĩa vụ cung cấp thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản thanh toán, giao dịch và số dư trên ví điện tử của chủ ví điện tử theo thỏa thuận với chủ tài khoản thanh toán, chủ ví điện tử.

Nghị định quy định về bảo mật thông tin

- Quyền từ chối cung cấp thông tin: tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác về việc cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch và số dư trên tài khoản, ví điện tử, giao dịch và số dư trên ví điện tử trừ trường

hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

- Nghĩa vụ bảo mật thông tin: tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch và số dư trên tài khoản, ví điện tử, giao dịch và số dư trên ví điện tử, trừ trường hợp được sự chấp thuận của khách hàng hoặc pháp luật có quy định khác.

4.2.5. Thông tư số 40/2024/TT-NHNN Quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

Thông tư này quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Thông tư quy định tổ chức chủ trì Hệ thống bù trừ điện tử (sau đây gọi là tổ chức chủ trì bù trừ điện tử) là tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp phép cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử và được tham gia, kết nối trực tiếp vào Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (sau đây gọi là Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng) để thực hiện quyết toán bù trừ điện tử.

Quyền của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: Quy định điều kiện sử dụng dịch vụ; yêu cầu khách hàng cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ và trong quá trình sử dụng dịch vụ; từ chối cung cấp dịch vụ khi khách hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện để sử dụng dịch vụ, không tuân thủ quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ hoặc vi phạm các thỏa thuận khác. Quy định các biện pháp đảm bảo an toàn cho việc sử dụng dịch vụ. Quy định loại phí và mức phí sử dụng dịch vụ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức khác làm đối tác để ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận cung ứng, phát triển dịch vụ trên cơ sở đảm bảo an toàn, hiệu quả và phù hợp với nội dung Giấy phép và quy định của pháp luật. Các quyền khác theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đơn vị chấp nhận thanh toán, khách hàng và đối tác phù hợp với quy định của pháp luật.

Thông tư này quy định chi tiết các trách nhiệm của các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán bao gồm: 1/ Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế và dịch vụ bù trừ điện tử; 2/ Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ, tổ chức cung ứng dịch vụ công thanh toán điện tử; 3/ Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử.

4.3. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan

4.3.1. Quy định về trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ trung gian cho TMDT

Theo điều 98b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian: là doanh nghiệp cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin số trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.

Tại Điều 110 Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian:

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian này phải xây dựng công cụ tiếp nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Công cụ tiếp nhận yêu cầu là một trong các công cụ sau: Chương trình máy tính để tiếp nhận yêu cầu; Trang thông tin điện tử để tiếp nhận yêu cầu; Các hộp thư điện tử để tiếp nhận yêu cầu; Cổng điện tử tiếp nhận yêu cầu; Công cụ tiếp nhận yêu cầu khác có chức năng tương tự. Xác nhận gửi thành công yêu cầu qua công cụ tiếp nhận được coi là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian đã nhận được yêu cầu.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thông báo đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan tới cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và công khai trên trang thông tin điện tử của mình. Đầu mối liên lạc bao gồm ít nhất các thông tin sau: địa chỉ thư điện tử, số điện thoại liên hệ.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ về trách nhiệm pháp lý của họ nếu họ thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số; bảo mật thông tin, tài khoản của người dùng; cung cấp thông tin người dùng khi nhận được yêu cầu bằng văn bản từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi biết nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khi triển khai này có trách

nhệm công bố quy trình nội bộ xử lý yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc yêu cầu phản đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số trên hệ thống dịch vụ của mình.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải chấp hành công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khai thác, sử dụng nội dung thông tin số được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan do người sử dụng dịch vụ của mình đăng tải trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet vì mục đích thương mại thì phải thực hiện nghĩa vụ xin phép và trả tiền bản quyền.

Như vậy, quy định về dịch vụ trung gian hỗ trợ TMĐT trong dự án Luật TMĐT là hoàn toàn phù hợp, không mâu thuẫn, không chồng chéo với quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12 và Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 về dịch vụ trung gian và Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

4.3.2. Quy định về trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ logistics

Tại Điều 233 Luật Thương mại năm 2025 định nghĩa dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thoả thuận với khách hàng để hưởng thù lao. Dịch vụ logistics được phiên âm theo tiếng Việt là dịch vụ lô-gis-tíc.

Tại Điều 235 Luật Thương mại năm 2025, trừ trường hợp có thoả thuận khác, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Được hưởng thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác; b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có lý do chính đáng vì lợi ích của khách hàng thì thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics có thể thực hiện khác với chỉ dẫn của khách hàng, nhưng phải thông báo ngay cho khách hàng; c) Khi xảy ra trường hợp có thể dẫn đến việc không thực hiện được một phần hoặc toàn bộ những chỉ dẫn của khách hàng thì phải thông báo ngay cho khách hàng để xin chỉ dẫn; d) Trường hợp không có thoả thuận về thời hạn cụ thể thực hiện nghĩa vụ với khách hàng thì phải thực hiện các nghĩa vụ của mình trong thời hạn hợp lý. Khi thực hiện việc vận chuyển hàng hóa, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics phải tuân thủ các quy định của pháp luật và tập quán vận tải.

Luật Bưu chính 2010, quy định quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 1/ Thiết lập mạng bưu chính để cung ứng dịch vụ bưu chính; 2/ Được thanh toán đủ giá cước dịch vụ bưu chính mà mình cung ứng; 3/ Kiểm tra nội dung gói, kiện hàng hoá trước khi chấp nhận; 4/ Từ chối cung ứng dịch vụ bưu chính nếu phát hiện bưu gửi vi phạm quy định tại Điều 12 của Luật này và quy định về điều kiện cung ứng dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp; 5/ Xử lý bưu gửi không có người nhận quy định tại khoản 5 Điều 17 của Luật này; 6/ Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về dịch vụ bưu chính cho người sử dụng dịch vụ bưu chính; 7/ Niêm yết công khai tại điểm phục vụ Danh mục vật phẩm, hàng hoá không được gửi, chấp nhận, vận chuyển qua mạng bưu chính; 8/ Bảo đảm an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính theo quy định; 9/ Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi cố ý chấp nhận bưu gửi vi phạm quy định; 10/ Không được tiết lộ thông tin về sử dụng dịch vụ bưu chính của tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật này; 11/ Không được cung ứng dịch vụ bưu chính vi phạm quy định về phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng dưới mọi hình thức; 12/ Hướng thủ lao, chi phí hợp lý khi thay mặt người sử dụng dịch vụ bưu chính thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi quốc tế; 13/ Thực hiện dịch vụ thay đổi họ tên, địa chỉ người nhận, rút lại bưu gửi, chuyển tiếp, chuyển hoàn bưu gửi; 14/ Giải quyết khiếu nại, tranh chấp, bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Như vậy, quy định về Dịch vụ logistics cho TMĐT trong dự án Luật TMĐT là hoàn toàn phù hợp, không chồng chéo và mâu thuẫn với quy định tại Luật Thương mại 2005 về dịch vụ logistics, Luật Bưu chính 2010 và Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 Quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics.

4.3.3. Quy định về trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán

Theo Khoản 10 Điều 6 Luật Ngân Hàng Nhà nước định nghĩa dịch vụ trung gian thanh toán là hoạt động làm trung gian kết nối, truyền dẫn và xử lý dữ liệu điện tử các giao dịch thanh toán giữa tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và người sử dụng dịch vụ thanh toán.

Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ Quy định về thanh toán không dùng tiền mặt, quy định trách nhiệm của các bên trung gian thanh toán:

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong thanh

toán theo quy định của pháp luật và được quy định các biện pháp đảm bảo an toàn trong hoạt động thanh toán phù hợp với các quy định pháp luật liên quan. Khách hàng sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ tuân thủ các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong thanh toán theo quy định và hướng dẫn của các tổ chức cung ứng dịch vụ.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải có biện pháp kiểm tra, giám sát các đơn vị chấp nhận thanh toán nhằm phát hiện và giải quyết hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động thanh toán theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải có biện pháp quản trị rủi ro, phòng, chống việc sử dụng, lợi dụng việc cung ứng phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, thực hiện giao dịch thanh toán không (giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ mà không phát sinh việc mua bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ) hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, giấy tờ và chứng từ theo quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khi thực hiện thanh toán ngoại tệ và thanh toán quốc tế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải áp dụng các biện pháp xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ liên quan đến các giao dịch thực tế để đảm bảo việc thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại điều 75 của Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/ 5/ 2013 về TMĐT quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website TMĐT: 1. Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành. 2. Lưu trữ dữ liệu về từng giao dịch thanh toán thực hiện qua hệ thống của mình theo thời hạn quy định tại Luật kế toán. 3. Liên đới chịu trách nhiệm với thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán của mình trong trường hợp thông tin thanh toán của khách hàng qua website đó bị thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, di chuyển trái phép hoặc bị chiếm đoạt gây thiệt hại cho khách hàng. 4. Trước ngày 15/01 hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương số liệu thống kê về tình hình cung cấp dịch vụ cho các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động TMĐT.

Như vậy, quy định về dịch vụ trung gian thanh toán cho TMĐT trong dự án Luật TMĐT là hoàn toàn phù hợp, không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định

lại Luật Ngân Hàng Nhà nước về dịch vụ trung gian thanh toán và Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ Quy định về thanh toán không dùng tiền mặt, quy định trách nhiệm của các bên trung gian thanh toán, Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5 2013 về TMĐT quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website TMĐT

4.3.4. Quy định về trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết

Tại Điều 37 trong đề cương dự thảo Luật TMĐT quy định Dịch vụ tiếp thị liên kết là một loại hình cung cấp dịch vụ trong đó nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết sẽ trả cho các nhà tiếp thị liên kết bằng tiền hoặc các lợi ích khác tương đương tiền để tạo ra đường dẫn để truy cập tới trang các nền tảng số TMĐT để mua hàng hóa, dịch vụ. Các nhà tiếp thị liên kết sẽ nhận được hoa hồng từ nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết dựa trên tỷ lệ chuyển đổi như lượt truy cập, số lượng khách hàng để lại thông tin, doanh thu từ số lượng sản phẩm bán ra qua liên kết chưa được quy định tại Luật nào hiện nay. Do đó, tiếp thị liên kết được quy định tại dự thảo Luật TMĐT là hoàn toàn mới và không chồng chéo với bất cứ một quy định hiện hành nào. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

4.3.5. Quy định trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm trong TMĐT

Về nguyên tắc chung, căn cứ tại Điều 60 Nghị định 52/2013/NĐ-CP về TMĐT (được sửa đổi bởi khoản 21 Điều 1 Nghị định 85/2021/NĐ-CP) quy định cụ thể như sau: Các thương nhân, tổ chức tiến hành hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT, cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử phải tiến hành đăng ký với Bộ Công Thương.

Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức đánh giá tín nhiệm website TMĐT: Giám sát hoạt động của các website TMĐT đã được gắn biểu tượng tín nhiệm; Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các website TMĐT đã được gắn biểu tượng tín nhiệm nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Trước ngày 05 hàng tháng, báo cáo Bộ Công Thương danh sách cập nhật các website TMĐT đã được gắn biểu tượng tín nhiệm tính đến cuối tháng trước đó; Trước ngày 15/01 hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương về hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT của năm trước đó.

Theo đó, quy định về dịch vụ đánh giá tín nhiệm trong TMĐT trong dự thảo Luật TMĐT là hoàn toàn phù hợp và mâu thuẫn với Nghị định 52/2013/NĐ-CP về TMĐT (được sửa đổi bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP).

4.3.6. Quy định trách nhiệm của chủ thể cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Luật Giao dịch điện tử năm 2023: quy định tại Điều 30 về Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy:

“1. Công bố công khai quy trình đăng ký sử dụng dịch vụ, biểu mẫu và chi phí liên quan.

2. Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.

3. Thực hiện chế độ lưu trữ hồ sơ, tài liệu và kết nối, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm trang thiết bị trong hệ thống thông tin được cấp mã quản lý, sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về dịch vụ tin cậy.

5. Thực hiện biện pháp nghiệp vụ, tạm dừng, chấm dứt cung cấp dịch vụ hoặc biện pháp nghiệp vụ khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ tin cậy đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

7. Định kỳ hằng năm, báo cáo về hoạt động cung cấp dịch vụ tin cậy theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

8. Nộp phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.”

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Nghị định 52/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP) :

“2. Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử:

a) Chịu trách nhiệm về tính bảo mật và toàn vẹn của các chứng từ điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;

b) Cung cấp tài liệu và hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến chứng từ điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;

c) Công bố công khai Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử với các nội dung theo hướng dẫn của Bộ Công Thương;

d) Kết nối với Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT, báo cáo Bộ Công Thương về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo yêu cầu”.

Như vậy, quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ

chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng điện tử mà mình thực hiện chứng thực tại chính sách 5 dự án Luật TMĐT là tương tự với nội dung Nghị định, đồng thời quy định cụ thể việc kết nối, báo cáo dữ liệu với Nền tảng hợp đồng điện tử quốc gia do Bộ Công Thương quản lý (thay vì kết nối với Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT - Quy định tại Chương V) để đảm bảo tách biệt hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử với hoạt động quản lý các nền tảng số TMĐT, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, giám sát hoạt động này. Quy định này hoàn toàn phù hợp, không mâu thuẫn hay chồng chéo với Luật giao dịch điện tử 2023 hay Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Nghị định 85/2021/NĐ-CP.

Chính sách 5: Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về giao kết hợp đồng trong TMĐT

5.1. Văn bản cấp Luật

5.1.1. Bộ luật Dân sự 2015

Bộ luật dân sự 2015 đưa ra khái niệm về hợp đồng, các nguyên tắc, các hình thức giao kết hợp đồng, nội dung của hợp đồng, hiệu lực của hợp đồng. Các quy định về giao kết hợp đồng trong trường hợp đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.

5.1.2. Luật Thương mại 2005

Luật Thương mại 2005 đưa ra quy định liên quan tới hợp đồng mua bán hàng hóa và các hình thức thể hiện của hợp đồng mua bán hàng hóa.

Luật Thương mại 2005 cũng đưa ra các các hình thức giao kết hợp đồng, nội dung của hợp đồng, một số loại hợp đồng thương mại đặc thù... Luật Thương mại 2005 tập trung vào các hợp đồng có mục đích sinh lợi, trong khi Bộ luật Dân sự 2015 điều chỉnh các hợp đồng dân sự nói chung.

5.1.3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023

Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 đưa ra quy định liên quan tới “Giao kết hợp đồng trong giao dịch từ xa” và Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh với người tiêu dùng trong giao dịch trên không gian mạng và quyền của người tiêu dùng liên quan tới cung cấp thông tin và giao kết hợp đồng.

5.2. Văn bản dưới Luật

5.2.1. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ

Nghị định 52/2013/NĐ-CP khi xây dựng đã bám sát nội dung và vận dụng các quy định về giao kết hợp đồng theo các quy định của Luật mẫu UNCITRAL và hài hòa với Luật giao dịch điện tử 2023.

Nghị định 52/2013/NĐ-CP đã đưa ra các quy định liên quan tới kết hợp đồng trong TMĐT; Quy định điều kiện, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử và Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

5.2.2. Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy

- Nghị định 23/2025/NĐ-CP được ban hành hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử năm 2023, nhằm cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành các quy định của Luật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.

- Nghị định 23/2025/NĐ-CP quy định chi tiết về các điều kiện doanh nghiệp dịch vụ tin cậy; Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy; Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, thay đổi nội dung, gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy; Quy trình tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, thay đổi nội dung, gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy; Quy trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, thay đổi nội dung, gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy; Tạm đình chỉ giấy phép; Thu hồi giấy phép.

5.3. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan

5.3.1. Quy định về giao kết hợp đồng trong TMĐT

i) Khái niệm về giao kết hợp đồng trong TMĐT

Theo quy định tại Điều 385 Bộ luật Dân sự 2015 như sau: *"Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự."*

Các hình thức giao kết hợp đồng: bằng lời nói, văn bản, bằng hành vi cụ thể (ví dụ mua ở cửa hàng tự chọn), giao kết hợp đồng điện tử (ví dụ: như internet, email, hoặc tin nhắn điện thoại).

Như vậy, giao kết hợp đồng là hành vi pháp lý của các bên nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Nói cách khác, giao kết hợp đồng là quá trình các bên thỏa thuận và đi đến thống nhất về các điều khoản của hợp đồng.

Các giai đoạn của giao kết hợp đồng:

a. Thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng

- Đây là giai đoạn một bên đăng tải thông tin (thông báo) về sản phẩm/dịch

vụ nhằm mục đích tìm kiếm bên mua/ đối tác.

- Các thông tin đi kèm với sản phẩm, dịch vụ chào mua/chào bán là các điều khoản hợp đồng như: bảo hành, đổi trả hàng hoàn tiền, thanh toán, giao nhận,...

b. Đề nghị giao kết hợp đồng:

- Đây là giai đoạn một bên (bên đề nghị) bày tỏ ý định muốn giao kết hợp đồng với bên kia (bên được đề nghị).

- Đề nghị giao kết hợp đồng phải thể hiện rõ ý định của bên đề nghị và các điều khoản cơ bản của hợp đồng.

c. Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng:

- Đây là giai đoạn bên được đề nghị đồng ý với các điều khoản của hợp đồng do bên đề nghị đưa ra.

- Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng phải được thể hiện một cách rõ ràng và phù hợp với thời hạn do bên đề nghị đưa ra.

Giao kết hợp đồng trong TMĐT (TMĐT) hay giao kết hợp đồng điện tử trong thương mại là quá trình các bên tham gia giao dịch (người mua và người bán) thiết lập và thỏa thuận các điều khoản của hợp đồng thông qua các phương tiện điện tử. Có thể hiểu trong hoạt động mua hàng qua mạng đó là việc thiết lập các điều khoản hợp đồng (điều kiện giao dịch chung, thanh toán, vận chuyển, giao nhận...), rà soát các điều khoản hợp đồng, rà soát và xác nhận nội dung hợp đồng. Đồng thời xác định thời điểm gửi, nhận/giao kết hợp đồng, chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng...

Theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại 2005:

1. Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.

2. Đối với các loại hợp đồng mua bán hàng hoá mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó.

Hợp đồng điện tử là một loại hợp đồng được thiết lập, gửi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử. Nó có giá trị pháp lý tương đương với hợp đồng truyền thống nếu đáp ứng các yêu cầu của pháp luật.

Các loại hợp đồng điện tử phổ biến: Hợp đồng mua bán hàng hóa trực tuyến; Hợp đồng cung cấp dịch vụ trực tuyến; Hợp đồng cho thuê tài sản trực tuyến; Hợp đồng lao động điện tử; Các hợp đồng về tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...

ii) Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử

Theo quy định tại Điều 7 Luật giao dịch điện tử 2023 quy định về hình thức thể hiện của thông điệp dữ liệu:

1. Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng thư điện tử, chứng từ điện tử, hợp đồng điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và hình thức trao đổi dữ liệu điện tử khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông điệp dữ liệu được tạo ra, phát sinh trong quá trình giao dịch hoặc được chuyển đổi từ văn bản giấy.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP: Chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại (sau đây gọi tắt là Chứng từ điện tử) là *hợp đồng, đề nghị, thông báo, xác nhận hoặc các tài liệu khác ở dạng thông điệp dữ liệu* do các bên đưa ra liên quan tới việc giao kết hay thực hiện hợp đồng.

Như vậy, hợp đồng trong TMĐT (hợp đồng điện tử trong thương mại) là một hình thức thể hiện của thông điệp dữ liệu. Do đó, các quy định áp dụng về thông điệp dữ liệu là một quy định rộng, bao trùm các nội dung liên quan về hợp đồng trong TMĐT. Các quy định về giao kết hợp đồng trong TMĐT hoàn toàn phù hợp với quy định về thông điệp dữ liệu tại Luật giao dịch điện tử 2023.

Điều 8 của Luật Giao dịch điện tử 2023 quy định:

"Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu". Như vậy, hợp đồng trong TMĐT hoàn toàn có giá trị như văn bản gốc nếu đáp ứng quy định tại Điều 10. Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc:

Thông điệp dữ liệu được sử dụng và có giá trị như bản gốc khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

1. Thông tin trong thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu hoàn chỉnh.

Thông tin trong thông điệp dữ liệu được xem là toàn vẹn khi thông tin đó chưa bị thay đổi, trừ những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình gửi, lưu trữ hoặc hiển thị thông điệp dữ liệu;

2. Thông tin trong thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh.

Điều 9 Nghị định 52/2013/NĐ-CP về TMĐT quy định:

Chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại có giá trị pháp lý như bản gốc nếu đáp ứng cả hai điều kiện sau:

a) Có sự bảo đảm đủ tin cậy về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong chứng

từ điện tử từ thời điểm thông tin được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng chứng từ điện tử;

b) Thông tin chứa trong chứng từ điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.

Điều 8 Dự thảo Luật TMĐT đưa ra quy định tiêu chí đảm bảo giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử trong thương mại cần đáp ứng hai điều kiện:

- Có sự bảo đảm đủ tin cậy về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong hợp đồng điện tử từ thời điểm thông tin được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng hợp đồng điện tử;

- Thông tin chứa trong hợp đồng điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.

iii) Các quy định về giao kết hợp đồng điện tử

Quy định về tại Điều 9 Dự thảo Luật TMĐT về “Thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng” hoàn toàn phù hợp với Điều 15 của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về Thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng trên website có chức năng đặt hàng trực tuyến vì khái niệm nền tảng số TMĐT là khái niệm rộng, bao trùm nhiều công cụ/phương tiện để thực hiện giao kết hợp đồng, trong đó bao gồm cả website và ứng dụng.

Quy định này hoàn toàn phù hợp và thống nhất với quy định tại Luật mẫu UNCITRAL về TMĐT.

Tương tự các quy định như: Cung cấp các điều khoản của hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng số TMĐT, Đề nghị giao kết hợp đồng, Rà soát và xác nhận nội dung hợp đồng, Trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, Chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng. Thời điểm giao kết hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng số TMĐT, Thủ tục chấm dứt hợp đồng đối với hợp đồng dịch vụ TMĐT và các dịch vụ trực tuyến khác là hoạt toàn phù hợp quy định hiện nay tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về TMĐT và quy định về giao kết hợp đồng trong TMĐT tại Luật mẫu UNCITRAL về TMĐT.

Như vậy, quy định về giao kết hợp đồng trong TMĐT trong Luật TMĐT là hoàn toàn phù hợp, không mâu thuẫn, không chồng chéo với quy định tại Luật giao dịch điện tử 2023 về Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc và Nghị định 52/2013/NĐ-CP về giá trị pháp lý như văn bản gốc của Chứng từ điện tử. Đồng thời, các quy trình và quy định về giao kết hợp đồng điện tử trên các nền tảng số là phù hợp với quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về TMĐT và quy định về giao kết hợp đồng trong TMĐT tại Luật mẫu UNCITRAL về TMĐT.

5.3.2. Quy định điều kiện cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

trong thương mại, đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn của hợp đồng điện tử được chứng thực.

- Theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử 2023, dịch vụ tin cậy là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Luật cũng quy định điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy (Điều 29), trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy (Điều 30). Khoản 3 Điều 28 của Luật cũng quy định: “3. Tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy phải có giấy phép kinh doanh dịch vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp, trừ dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. Tổ chức được quyền đăng ký một hoặc các dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này. Thời hạn của giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy là 10 năm”. Như vậy, Quy định cấp phép đối với Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại không mâu thuẫn hay chồng chéo với quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật giao dịch điện tử 2023.

- Theo khoản 15 Điều 3 của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về TMĐT: quy định về định nghĩa, điều kiện cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Theo đó, điều kiện đăng ký cấp phép dịch vụ Chứng thực hợp đồng điện tử là hoàn toàn phù hợp với điều kiện cấp đăng ký tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2021/NĐ-CP) và bổ sung thêm quy định liên quan tới đáp ứng quy định về an toàn thông tin đối với dịch vụ tin cậy theo pháp luật về giao dịch điện tử và một số quy định cơ bản về thành phần hồ sơ xin cấp phép, v.v... Đồng thời giao Chính phủ sẽ bổ sung hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục, biểu mẫu, Đề án, Quy chế hoạt động tại Nghị định hướng dẫn.

6. Chính sách 6: Thúc đẩy TMĐT phát triển bền vững

Giải pháp của chính sách:

- Quy định phát triển thị trường TMĐT trong nước
- Quy định về xuất khẩu qua TMĐT;
- Quy định về thương mại số;
- Quy định về TMĐT xanh và bền vững;
- Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT.

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật:

1. Văn bản cấp Luật

1.1. Hiến pháp năm 2013

Hiến pháp là đạo luật gốc, luật cơ bản quy định những vấn đề quan trọng nhất của một quốc gia. Bên cạnh quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, cách thức tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước, địa

vị pháp lý của con người, công dân, Hiến pháp cũng quy định về chính sách phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

1.2. Luật Hợp tác xã năm 2023

Luật Hợp tác xã quy định các nội dung hỗ trợ hoạt động TMĐT và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã.

1.3. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định các nội dung hỗ trợ phát triển TMĐT nhằm thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp này vào nền kinh tế số.

1.4. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Luật Bảo vệ môi trường quy định những nguyên tắc bảo vệ môi trường, đồng thời, chính sách thúc đẩy các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

1.5. Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013

Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 có những chính sách ưu tiên khuyến khích nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, đồng thời, hỗ trợ ý tưởng công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, ưu tiên những công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch.

1.6. Luật Quản lý ngoại thương năm 2017

Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 quy định thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước và xuất khẩu là một trong những nguyên tắc quản lý nhà nước về ngoại thương.

1.7. Bộ luật Dân sự năm 2015

Bộ luật Dân sự tạo nền tảng pháp lý để các chủ thể nói chung, trong đó bao gồm cả những chủ thể của hoạt động TMĐT phải đảm bảo hoạt động kinh doanh không gây hại đến môi trường và chịu trách nhiệm nếu hoạt động của họ gây ô nhiễm hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

2. Văn bản cấp dưới Luật

2.1. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ

Nghị định quy định nội dung quản lý nhà nước về TMĐT bao gồm xây

dựng và tổ chức thực hiện chương trình phát triển TMĐT và chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại.

2.2. Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã

Nghị định quy định chính sách hỗ trợ hợp tác xã tham gia sàn giao dịch TMĐT.

2.3. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nghị định đã quy định chi tiết nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

2.4. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Nghị định đã quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và quản lý một trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia”

2.5. Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương

Nghị định này quy định phát triển hoạt động ngoại thương thông qua xúc tiến thương mại, hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước ngoài thông qua các sàn giao dịch TMĐT.

3. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan

3.1. Quy định về thúc đẩy xuất khẩu qua TMĐT

Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 quy định một trong những nguyên tắc quản lý nhà nước về ngoại thương như sau: “Bảo đảm minh bạch, công khai, bình đẳng, đơn giản hóa thủ tục hành chính; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, thương nhân thuộc các thành phần kinh tế; thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước và xuất khẩu, gắn với quản lý nhập khẩu.” (khoản 2 Điều 4)

Xuất khẩu qua TMĐT mang lại cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn cho doanh nghiệp trong nước mà không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý, doanh nghiệp cũng có thể nhanh chóng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ và xây dựng thương hiệu với chi phí thấp hơn so với các phương thức truyền thống, góp phần tăng doanh số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo để tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Quy định về phát triển thị trường TMĐT trong nước

a. Luật Hợp tác xã quy định các nội dung hỗ trợ hoạt động TMĐT và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã. Cụ thể như sau:

- Hỗ trợ phát triển TMĐT: Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ các hợp tác xã ứng dụng TMĐT trong sản xuất, kinh doanh và quản lý; Các chính sách hỗ trợ bao gồm đào tạo, tư vấn, và cung cấp hạ tầng công nghệ để các hợp tác xã tiếp cận và triển khai TMĐT.

- Chuyển đổi số: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hợp tác xã nhằm tối ưu hóa mô hình quản trị, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động; Hỗ trợ về tài chính, công nghệ và nhân lực để các hợp tác xã thực hiện chuyển đổi số thành công.

- Chương trình hỗ trợ quốc gia: Các chương trình hỗ trợ được xây dựng để thúc đẩy ứng dụng công nghệ số và TMĐT trong khu vực kinh tế hợp tác, bao gồm hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.

Những quy định này nhằm tạo điều kiện cho các hợp tác xã phát triển bền vững trong bối cảnh kinh tế số. Về cơ bản, hợp tác xã cũng là một trong những đối tượng thụ hưởng của các chính sách phát triển TMĐT.

b. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định các nội dung hỗ trợ phát triển TMĐT nhằm thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp này vào nền kinh tế số.

- Hỗ trợ ứng dụng TMĐT: Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ trong việc ứng dụng TMĐT để mở rộng thị trường, tăng cường năng lực cạnh tranh; Các chính sách bao gồm hỗ trợ đào tạo, tư vấn, và cung cấp nền tảng công nghệ.

- Hỗ trợ tài chính và công nghệ: Nhà nước hỗ trợ tài chính để doanh nghiệp đầu tư vào hạ tầng TMĐT; Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, và blockchain.

- Chương trình hỗ trợ quốc gia: Các chương trình hỗ trợ được thiết kế để thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển TMĐT trong khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhìn chung, các quy định trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ đóng vai trò nền tảng, tạo điều kiện thuận lợi để dự thảo Luật TMĐT xây dựng những chính sách cụ thể và toàn diện hơn.

3.3. Quy định về thương mại số

Thương mại số chưa được định nghĩa tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào, tuy nhiên, việc xây dựng chính sách phát triển thương mại số giúp định hướng phát triển kinh tế số, TMĐT thông qua những lợi ích sau: (i) xác định phạm

vi, nguyên tắc hoạt động của thương mại số, từ đó tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia; (ii) thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại; (iii) tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế; (iv) hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường số.

3.4. Quy định về TMĐT xanh và bền vững

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam đã ban hành nhiều quy định nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với tăng trưởng xanh và bền vững. Cụ thể bao gồm:

a. Hiến pháp năm 2013

- “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*” (Điều 50).

- “*Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo.*” (khoản 2 Điều 63)

b. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

- “*1. Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.*

2. Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.

4. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.

5. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.” (Điều 4)

- “*Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.*” (khoản 11 Điều 5)

Việc đưa ra các quy định về TMĐT xanh, bền vững không chỉ phù hợp với chính sách phát triển kinh tế, xã hội gắn kết với bảo vệ môi trường tại Hiến pháp và Luật Bảo vệ môi trường mà còn góp phần đạt được các mục tiêu phát triển bền

vững, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trong nước, thúc đẩy nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng về tầm quan trọng của TMĐT xanh, khuyến khích cộng đồng tham gia vào các hoạt động TMĐT có trách nhiệm với môi trường.

3.5. Quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong TMĐT, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong TMĐT

Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 có những chính sách ưu tiên khuyến khích nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, đồng thời, hỗ trợ ý tưởng công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, ưu tiên những công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch.

III. ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH

1. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

1.1. Giới thiệu chung

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), gồm 11 nước thành viên gồm Ôt-xtrây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Xinh-ga-po và Việt Nam.

Hiệp định đã được ký kết ngày 08/3/2018, có hiệu lực từ ngày 30/12/2018 đối với nhóm 6 nước đầu tiên hoàn tất thủ tục phê chuẩn Hiệp định gồm Mê-hi-cô, Nhật Bản, Xinh-ga-po, Niu Di-lân, Ca-na-đa và Ôt-xtrây-li-a. Đối với Việt Nam, Hiệp định có hiệu lực từ ngày 14/01/2019.

1.2. Nội dung cam kết về TMĐT

Các điều khoản liên quan trực tiếp nhằm thúc đẩy thương mại phi giấy tờ xuyên biên giới được đề cập trong Chương TMĐT của Hiệp định này gồm:

- *Thuế hải quan*: CPTPP quy định không Bên nào được phép đánh thuế hải quan lên các giao dịch thông qua truyền dẫn điện tử, bao gồm cả nội dung được truyền phát bằng hình thức điện tử (Điều 14.3). Như vậy, các giao dịch đối với sản phẩm nội dung số như e-book, phần mềm, âm nhạc, video, trò chơi điện tử, v.v... sẽ không bị đánh thuế hải quan giữa các nước thành viên. Các Bên vẫn có quyền áp đặt các chính sách thuế, phí hay các khoản phí khác trong nước đối với các nội dung được truyền phát bằng phương thức điện tử.

- *Đối xử không phân biệt đối với các sản phẩm số*: CPTPP quy định các sản phẩm số của tất cả các Bên, chẳng hạn như các chương trình máy tính, văn bản, video, âm thanh hoặc bất kỳ sản phẩm kỹ thuật số mã hóa khác, phải được

tất cả các bên đối xử bình đẳng như nhau. Tuy nhiên, những quy định này chỉ áp dụng đối với các phần mềm đại trà, được sử dụng rộng rãi hoặc sản phẩm chứa những phần mềm như vậy mà không áp dụng cho các sản phẩm, phần mềm sử dụng cho hạ tầng thiết yếu, chương trình phát thanh truyền hình, cũng như các sản phẩm được tài trợ hay có trợ cấp của Chính phủ.

- Thuận lợi hóa thương mại (chứng thực điện tử, chữ ký điện tử; thương mại phi giấy tờ; khung pháp lý trong nước đối với giao dịch điện tử)

+ CPTPP quy định các bên không được từ chối hiệu lực pháp lý của chữ ký chỉ bởi vì lý do là chữ ký này được cung cấp bằng hình thức điện tử, trừ các trường hợp được quy định khác trong quy định pháp luật của một Bên tham gia Hiệp định.

+ Không Bên nào được phép ban hành hoặc duy trì áp dụng các biện pháp đối với hoạt động chứng thực điện tử mà: (a) ngăn cấm các Bên tham gia giao dịch điện tử phối hợp cùng nhau xác định các phương pháp chứng thực thích hợp đối với giao dịch đó; hoặc (b) ngăn cản các Bên tham gia giao dịch điện tử có cơ hội để chứng minh trước các cơ quan quản lý tư pháp hoặc hành chính rằng các giao dịch của họ tuân thủ theo các yêu cầu pháp lý liên quan đến hoạt động chứng thực.

+ Các Bên duy trì khung pháp lý cho giao dịch TMĐT nhất quán với các nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc về TMĐT.

+ Các Bên tham gia CPTPP được khuyến khích công bố rộng rãi các loại tài liệu, giấy tờ về quản lý thương mại dưới dạng điện tử và chấp nhận các tài liệu, hồ sơ giấy tờ quản lý thương mại được nộp bằng hình thức điện tử có giá trị pháp lý tương đương như bản giấy của các tài liệu, hồ sơ giấy tờ này.

- Bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ thông tin cá nhân, chống spam:

+ Mỗi Bên tham gia CPTPP phải chấp nhận và duy trì luật bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến khỏi gian lận và các hoạt động thương mại lừa đảo. Các Bên nhất trí về nguyên tắc hợp tác với các cơ quan bảo vệ người tiêu dùng quốc gia của nhau để tăng cường hiệu quả của luật bảo vệ người tiêu dùng.

+ Thành viên CPTPP cam kết ban hành hoặc duy trì khung pháp lý nhằm bảo vệ thông tin cá nhân của người tham gia các hoạt động TMĐT. Trong quá trình xây dựng khung pháp lý để bảo vệ thông tin cá nhân, mỗi Bên nên lưu ý đến các nguyên tắc và hướng dẫn của các cơ quan quốc tế liên quan. Các Bên phải cố gắng ban hành áp dụng các cơ chế không phân biệt đối xử để bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến khỏi các hành vi vi phạm đến vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân

xảy ra trong phạm vi thẩm quyền của mình.

+ Các nước CPTPP cũng cam kết áp dụng các biện pháp để xử lý thư điện tử thương mại không mong muốn (spam) như: yêu cầu người nhà cung cấp các tin nhắn TMDT không mong muốn đó phải tạo điều kiện cho khách hàng đồng ý hoặc ngăn chặn việc nhận những tin nhắn thuộc dạng này. Các Bên phải cố gắng hợp tác kiểm soát các tin nhắn TMDT không mong muốn nói trên.

- *Lưu chuyển thông tin xuyên biên giới bằng phương tiện điện tử*: Các Bên cam kết cho phép chuyển phát thông tin qua biên giới bằng phương tiện điện tử, kể cả thông tin cá nhân, khi thông tin được sử dụng với mục đích kinh doanh. Các Bên có thể áp dụng các biện pháp can thiệp vào cam kết này để thúc đẩy các mục tiêu chính sách công hợp pháp, nhưng các biện pháp như vậy không phải là tùy ý, phân biệt đối xử hoặc tạo thành một hạn chế trá hình đối với thương mại, không được áp đặt các hạn chế nhiều hơn mức yêu cầu để đạt được mục tiêu chính đáng của mình.

- *Đặt hệ thống máy chủ*: Các thành viên không được yêu cầu Bên còn lại được sử dụng hoặc lựa chọn địa điểm lắp đặt hệ thống máy chủ, các thiết bị lưu trữ trong phạm vi lãnh thổ của Bên mình để xem đó như là một điều kiện để được phép hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ đó.. Các Bên có thể áp dụng các biện pháp can thiệp vào cam kết này để thúc đẩy các mục tiêu chính sách công hợp pháp, nhưng các biện pháp như vậy không phải là tùy ý, phân biệt đối xử hoặc tạo thành một hạn chế trá hình đối với thương mại, không được áp đặt các hạn chế nhiều hơn mức yêu cầu để đạt được mục tiêu chính đáng của mình

2. Hiệp định ASEAN – Australia – New Zealand (AANZFTA)

2.1. Giới thiệu chung

ASEAN, Australia và New Zealand ký kết Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN- Australia-New Zealand (AANZFTA) ngày 27/2/2009, có hiệu lực từ ngày 01/01/2010. Nghị định thư thứ hai sửa đổi Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Australia - New Zealand (AANZFTA) đã được ký kết vào ngày 21/8 năm 2023, bên lề Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN - Australia - New Zealand tại Semarang, Indonesia. Việc ký kết này đánh dấu kết quả của ba năm đàm phán nâng cấp AANZFTA, nhằm đảm bảo hiệp định phù hợp với các thách thức mới và thực tiễn thương mại hiện đại.

Bản nâng cấp của AANZFTA bao gồm việc cải thiện 13 chương hiện có, như Quy tắc xuất xứ, Thủ tục hải quan, Đầu tư, Cạnh tranh, Bảo vệ người tiêu dùng và TMDT. Ngoài ra, ba chương mới đã được bổ sung, bao gồm Mua sắm của Chính phủ, Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME), và Thương mại và phát triển bền vững. Những thay đổi này nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, thúc

đẩy thương mại và đầu tư bền vững trong khu vực.

Chương TMĐT là một chương mới trong Hiệp định AANZFTA nâng cấp, được thực hiện nhằm đạt được mục tiêu sau:

- Thúc đẩy TMĐT giữa các Bên;
- Tăng cường hợp tác giữa các Bên về phát triển TMĐT; và
- Thúc đẩy việc sử dụng rộng rãi hơn TMĐT toàn cầu

2.2. Nội dung cam kết về TMĐT

Bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến và bảo vệ dữ liệu trực tuyến: Khi có thể, mỗi Bên phải bảo vệ người tiêu dùng sử dụng TMĐT ở mức ít nhất tương đương với mức bảo hộ dành cho người tiêu dùng sử dụng các hình thức thương mại khác luật pháp, quy định và chính sách của mình. Căn cứ mức độ phù hợp, các Bên sẽ xem xét bảo vệ dữ liệu cá nhân của người sử dụng TMĐT. Trong quá trình phát triển các tiêu chuẩn về bảo vệ dữ liệu, mỗi Bên sẽ xem xét đến các tiêu chuẩn quốc tế, các tiêu chí của các tổ chức quốc tế có liên quan.

Thương mại phi giấy tờ: Mỗi Bên, nếu có thể, tiến tới thực hiện các sáng kiến nhằm sử dụng thương mại phi giấy tờ. Các Bên sẽ hợp tác trong các diễn đàn quốc tế nhằm tăng cường mức độ công nhận phiên bản điện tử của các chứng từ hành chính thương mại.

Một số nội dung mới gồm: hóa đơn điện tử, tiêu chuẩn trong thương mại số và Bao trùm số. Nội dung cam kết về hóa đơn điện tử là khuyến khích các nước thành viên công nhận, sử dụng hóa đơn điện tử trong TMĐT, tiến tới việc các hệ thống hóa đơn điện tử giữa các bên có thể liên thông, chia sẻ. Nội dung về tiêu chuẩn trong thương mại số là hướng tới việc khuyến khích các nước tham khảo, xây dựng và tham gia các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến thương mại số nhằm tạo ra một môi trường tương thích cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thuận lợi hơn. Nội dung về bao trùm số yêu cầu các Bên nỗ lực xây dựng các chính sách phát triển TMĐT toàn diện và hướng tới các chủ thể hưởng lợi một cách công bằng.

Hợp tác về TMĐT

(1) Công nhận tính toàn cầu của TMĐT, các Bên phải khuyến khích hợp tác trong các hoạt động nghiên cứu và đào tạo nhằm tăng cường sự phát triển của TMĐT. Những hoạt động nghiên cứu và đào tạo này có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

(a) Thúc đẩy sử dụng bản điện tử giấy tờ hành chính thương mại do một Bên khác hoặc các Bên khác sử dụng;

(b) Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt được những trở ngại gặp phải khi dùng TMĐT;

(c) Chia sẻ thông tin và kinh nghiệm và tìm những thông lệ kinh doanh liên quan đến khuôn khổ luật pháp và chính sách trong nước về TMĐT, gồm những quy định liên quan đến bảo vệ dữ liệu, bí mật người tiêu dùng, an ninh mạng, thư rác điện tử, chữ ký điện tử, quyền sở hữu trí tuệ, Chính phủ điện tử;

(d) Khuyến khích các hoạt động hợp tác thúc đẩy giao dịch điện tử gồm những hoạt động cải thiện tính hiệu quả của TMĐT;

(e) Tìm cách mà Bên hoặc nhiều Bên phát triển có thể hỗ trợ các Bên phát triển thực hiện khung pháp lý giao dịch điện tử;

(f) Khuyến khích sự hợp tác giữa các cơ quan liên quan để tạo thuận lợi điều tra nhanh chóng và có giải pháp nhanh chóng đối với những sự việc không trung thực liên quan đến giao dịch điện tử;

(g) Khuyến khích sự phát triển của khu vực tư nhân về các biện pháp tự quản, kể cả mã giao dịch, số hiệu giao dịch, hướng dẫn, cơ chế thực thi nhằm thúc đẩy TMĐT; và

(h) Chủ động tham gia các diễn đàn đa phương và khu vực để xúc tiến sự phát triển của TMĐT.

(2) Các Bên nỗ lực tiến hành các hình thức hợp tác được xây dựng nhưng không trùng lặp với các sáng kiến hợp tác hiện tại trong các diễn đàn quốc tế.

Các nội dung cam kết về lưu chuyển thông tin qua biên giới bằng phương tiện điện tử và hệ thống máy tương tự như nội dung này trong Hiệp định RCEP.

3. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc

3.1. Giới thiệu chung

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) được ký kết ngày 05/5/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 20/12/2015. Trong đó, **chương 10 về TMĐT** đặt ra các nguyên tắc và cam kết nhằm thúc đẩy môi trường TMĐT an toàn và thuận lợi giữa hai quốc gia.

3.2. Nội dung cam kết về TMĐT

- *Thuế hải quan*: Một Bên có thể không áp dụng thuế hải quan đối với các truyền dẫn điện tử phù hợp với bất cứ cam kết nào liên quan đến TMĐT trong khuôn khổ WTO, mà cả hai Bên đều là thành viên tham gia các cam kết đó. Các Bên vẫn có quyền áp đặt các chính sách thuế, phí hay các khoản phí khác trong nước đối với các nội dung được truyền dẫn bằng phương thức điện tử.

- *Chứng thực điện tử, chữ ký điện tử và xác thực số*

+ Mỗi Bên sẽ nỗ lực ban hành hoặc duy trì luật pháp đối với chứng thực điện tử mà: a) Cho phép các Bên tham gia vào một giao dịch điện tử được cùng nhau quyết định công nghệ chứng thực điện tử thích hợp và các mô hình thực hiện các giao dịch điện tử của họ; b) Cho phép các Bên tham gia vào một giao dịch điện tử có cơ hội chứng minh rằng giao dịch điện tử của họ phù hợp với luật và quy định trong nước của Bên đó về chứng thực điện tử; và c) Không hạn chế sự công nhận về công nghệ chứng thực và các mô hình thực hiện.

+ Trong trường hợp có thể, các Bên sẽ nỗ lực để hướng tới việc công nhận lẫn nhau đối với xác thực số và chữ ký điện tử mà được các Bên ban hành hoặc đã công nhận trên cơ sở các tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận.

- *Bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến*: Các Bên sẽ nỗ lực ban hành mới hoặc duy trì các biện pháp minh bạch để bảo vệ người tiêu dùng khỏi những hành vi lừa đảo và gian lận thương mại khi họ tham gia vào TMĐT. Trường hợp có thể, mỗi Bên sẽ có quy định bảo vệ khách hàng khi sử dụng TMĐT, tối thiểu phải bằng với quy định bảo vệ khách hàng đối với các loại hình thương mại khác theo luật, quy định và chính sách trong nước có liên quan.

- *Bảo vệ dữ liệu cá nhân*: Mỗi Bên sẽ nỗ lực ban hành mới hoặc duy trì các biện pháp pháp lý đảm bảo cho việc bảo vệ dữ liệu cá nhân của những người sử dụng TMĐT. Trong quá trình phát triển các tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu cá nhân trong TMĐT, mỗi Bên thừa nhận tầm quan trọng của việc tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế và các tiêu chí của các tổ chức quốc tế liên quan. Mỗi Bên đều thừa nhận sự cần thiết của việc đưa ra một mức độ bảo vệ đầy đủ nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân của người sử dụng TMĐT được truyền giữa các Bên.

- *Thương mại phi giấy tờ*: Mỗi Bên sẽ nỗ lực đưa ra công khai phiên bản điện tử đối với các loại giấy tờ hành chính thương mại và nỗ lực công nhận giá trị pháp lý của giấy tờ hành chính TMĐT ngang bằng với hình thức bản giấy thông thường. Trong khả năng có thể, mỗi Bên sẽ hướng đến việc triển khai các sáng kiến liên quan đến việc sử dụng thương mại phi giấy tờ.

4. Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực

4.1. Giới thiệu chung

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) giữa ASEAN và 6 đối tác đã có FTA với ASEAN là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia và New Zealand bắt đầu đàm phán từ ngày 09/5/2013. Tháng 11/2019, các nước thành viên đã cơ bản hoàn tất đàm phán văn kiện RCEP (trừ Ấn Độ - đã tuyên bố rút khỏi Hiệp định này). Hiệp định RCEP đã có hiệu lực đối với Việt

Nam kể từ ngày 01/01/2022.

4.2. Nội dung cam kết về TMDT

- Chứng thực điện tử và chữ ký điện tử và Thương mại phi giấy tờ

+ Các Bên không được từ chối hiệu lực pháp lý của chữ ký chỉ bởi vì lý do là chữ ký này được cung cấp bằng hình thức điện tử;

+ Các Bên sẽ: (a) cho phép các Bên tham gia vào giao dịch điện tử được quyết định công nghệ chứng thực điện tử và các hình thức thực hiện đối với các giao dịch điện tử của họ; (b) không hạn chế việc thừa nhận các công nghệ chứng thực điện tử và các hình thức thực hiện đối với các giao dịch điện tử và; (c) cho phép các Bên tham gia các giao dịch điện tử có cơ hội để chứng minh các giao dịch điện tử của họ phù hợp với quy định nội luật của Bên đó về chứng thực điện tử;

+ Các Bên tham gia nỗ lực công bố rộng rãi các loại tài liệu, giấy tờ về quản lý thương mại dưới dạng điện tử và chấp nhận các tài liệu, hồ sơ giấy tờ quản lý thương mại được nộp bằng hình thức điện tử có giá trị pháp lý tương đương như bản giấy của các tài liệu, hồ sơ giấy tờ này.

- Bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ thông tin cá nhân

+ Các Bên cam kết tăng cường bảo vệ người tiêu dùng thông qua một số quy định về bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân và các thông điệp điện tử thương mại không mong muốn.

+ Mỗi Bên tham gia phải ban hành và duy trì luật bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến khỏi gian lận và các hoạt động thương mại lừa đảo. Các Bên nhất trí về nguyên tắc hợp tác với các cơ quan bảo vệ người tiêu dùng quốc gia của nhau để tăng cường hiệu quả của luật bảo vệ người tiêu dùng. Mỗi Bên sẽ đăng công khai các thông tin về bảo vệ người tiêu dùng mà Bên đó cung cấp cho người sử dụng TMDT nhằm giúp người tiêu dùng và doanh nghiệp nắm được các biện pháp để được khắc phục và tuân thủ các yêu cầu pháp lý.

+ Các Bên cam kết ban hành hoặc duy trì khung pháp lý nhằm bảo vệ thông tin cá nhân của người tham gia các hoạt động TMDT. Trong quá trình xây dựng khung pháp lý để bảo vệ thông tin cá nhân, mỗi Bên sẽ tham khảo các tiêu chuẩn, nguyên tắc, hướng dẫn, và các tiêu chí của các cơ quan quốc tế hoặc tổ chức quốc tế liên quan. Các Bên sẽ đăng tải thông tin về bảo vệ thông tin cá nhân để cung cấp cho người sử dụng TMDT, từ đó, hỗ trợ cá nhân và doanh nghiệp tham gia nắm được các biện pháp để được khắc phục và tuân thủ các yêu cầu pháp lý. Các Bên sẽ khuyến khích các pháp nhân công khai, bao gồm cả trên mạng Internet, các chính sách và thủ tục liên quan đến bảo vệ thông tin cá nhân.

- *Thuế hải quan*: Các Bên tiếp tục thực hiện quy định của WTO về việc không đánh thuế hải quan đối với các truyền dẫn điện tử. Tuy nhiên, quy định này không ngăn cản các Bên áp thuế, phí hoặc các khoản cước phí khác đối với các truyền dẫn điện tử, miễn là các khoản thuế, phí hoặc lệ phí đó được áp dụng phù hợp với Hiệp định này.

- *Đặt hệ thống máy chủ*: Các quốc gia thành viên không yêu cầu một Bên phải sử dụng hệ thống các thiết bị máy chủ trên lãnh thổ quốc gia mình như là điều kiện để thực hiện kinh doanh trên lãnh thổ quốc gia của Bên đó.

- *Lưu chuyển thông tin xuyên biên giới bằng phương tiện điện tử*: Các Bên cam kết không ngăn cản việc lưu chuyển thông tin qua biên giới bằng phương tiện điện tử, kể cả thông tin cá nhân, khi thông tin mang mục đích kinh doanh. Các Bên có thể ban hành và duy trì các biện pháp can thiệp vào cam kết này để thực hiện các mục tiêu chính sách công chính đáng, lợi ích an ninh quốc gia nhưng các biện pháp như vậy không phải là tùy ý, phân biệt đối xử hoặc tạo thành một hạn chế trá hình đối với thương mại. Ngoài ra, bất kỳ sự can thiệp đối với việc lưu chuyển thông tin điện tử qua biên giới được cho là cần thiết để đạt được một mục tiêu chính sách công chính đáng, lợi ích an ninh quốc gia cũng có thể được ban hành hoặc duy trì. Các Bên được tự quyết, đánh giá về mức độ cần thiết khi áp dụng hoặc ban hành những biện pháp này.

5. Hiệp định ASEAN về TMDT

5.1. Giới thiệu chung

ASEAN là khu vực đầu tiên xây dựng một Hiệp định về TMDT với mục tiêu chính là hỗ trợ TMDT xuyên biên giới giữa các quốc gia thành viên. Hiệp định TMDT ASEAN được ký kết vào ngày 12/11/2018 trong khuôn khổ Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 33 tại Singapore. Hiệp định này chính thức có hiệu lực từ 4/12/2021, sau khi được tất cả các quốc gia thành viên ASEAN phê chuẩn.

5.2. Nội dung cam kết về TMDT

Hỗ trợ TMDT xuyên biên giới là nội dung quan trọng nhất của Hiệp định, bao gồm 6 điều khoản nhỏ như sau:

- *Thương mại phi giấy tờ*: Các Bên mở rộng việc sử dụng các chứng từ thương mại hành chính dưới dạng điện tử và thúc đẩy việc trao đổi các chứng từ điện tử phù hợp với Hiệp định Hải quan ASEAN ký ngày 30/3/2012.

- *Chứng thực điện tử và chữ ký số*: Về cơ bản, nội dung này tương tự như cam kết tại Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Úc – New Zealand (AANZFTA).

- *Bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến*: So với AANZFTA, Hiệp định này có

mức độ cam kết tương tự đối với nội dung phát sinh nghĩa vụ, cụ thể là người tiêu dùng trong TMĐT được bảo vệ ở mức độ tương tự như trong giao dịch truyền thống.

- *Lưu chuyển thông tin qua biên giới bằng phương tiện điện tử*: Các nước thành viên đồng ý hỗ trợ việc lưu chuyển thông tin qua biên giới bằng cách loại bỏ hoặc giảm thiểu ít nhất các rào cản đồng thời tuân thủ các biện pháp tự vệ thích hợp, nhằm đảm bảo an ninh và bảo mật thông tin và các mục tiêu chính sách công cộng hợp pháp khác; Việc lưu chuyển thông tin qua biên giới cho mục đích kinh doanh được thực hiện và đảm bảo tuân thủ quy định, luật pháp của mỗi nước.

- *Bảo vệ thông tin cá nhân trực tuyến*: yêu cầu các nước thành viên áp dụng hoặc duy trì các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân của người tham gia TMĐT. Nội dung này phù hợp với luật pháp hiện nay của Việt Nam quy định tại Luật An toàn thông tin mạng, Nghị định về TMĐT, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- *Đặt hệ thống máy chủ*: Các nước thành viên có thể có những quy định riêng về việc sử dụng máy chủ nhằm đảm bảo an ninh và bảo mật của các hoạt động truyền thông; Các nước thành viên thống nhất, tuân thủ luật và quy định của từng nước, không yêu cầu một pháp nhân từ một quốc gia thành viên và các công ty liên kết của pháp nhân đó đặt máy chủ trên lãnh thổ của quốc gia mình như một điều kiện kinh doanh;

6. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA)

6.1. Giới thiệu chung

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA) đã chính thức hoàn tất đàm phán vào ngày 11/12/2020 và ký kết vào tối 29/12/2020. Hiệp định được đàm phán dựa trên nguyên tắc kế thừa các cam kết đã có trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) với những điều chỉnh cần thiết để đảm bảo phù hợp với khuôn khổ thương mại song phương giữa Việt Nam và Anh & Bắc Ailen. Hiệp định chính thức có hiệu lực từ ngày 01/05/2021.

6.2. Nội dung cam kết về TMĐT

Mục tiêu của Chương nhằm thúc đẩy sự phát triển của TMĐT thông qua việc hợp tác trong một số vấn đề cụ thể như sau:

- Thuế hải quan: không áp đặt thuế hải quan đối với đường truyền điện tử;
- Các vấn đề hợp tác: tập trung vào các vấn đề pháp lý liên quan đến TMĐT:
 - (i) Công nhận chứng chỉ chữ ký điện tử;

- (ii) Khoản nợ của nhà cung cấp dịch vụ trung gian;
- (iii) Xử lý các giao tiếp TMĐT không được yêu cầu;
- (iv) Bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT
- (v) Các vấn đề liên quan khác.

7. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)

7.1. Giới thiệu chung

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) là một FTA thế hệ mới giữa Việt Nam và 27 nước thành viên EU. EVFTA, cùng với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), là hai FTA có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay. Ngày 01/12/2015, EVFTA đã chính thức kết thúc đàm phán và đến ngày 01/02/2016, văn bản hiệp định được công bố. Ngày 26/06/2018, một bước đi mới của EVFTA được thống nhất. Theo đó, EVFTA được tách làm hai Hiệp định, một là Hiệp định Thương mại (EVFTA), và một là Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA); đồng thời chính thức kết thúc quá trình rà soát pháp lý đối với Hiệp định EVFTA.

Tháng 08/2018, quá trình rà soát pháp lý đối với EVIPA cũng được hoàn tất. Hai Hiệp định được ký kết ngày 30/06/2019. EVFTA và EVIPA được phê chuẩn bởi Nghị viện châu Âu vào ngày 12/2/2020, và được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn vào ngày 8/6/2020. Ngày 30/3/2020, Hội đồng châu Âu cũng đã thông qua EVFTA. Đối với EVFTA, do đã hoàn tất thủ tục phê chuẩn, Hiệp định này đã chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Đối với EVIPA, về phía EU, Hiệp định sẽ còn phải được sự phê chuẩn tiếp bởi Nghị viện của tất cả 27 nước thành viên EU mới có hiệu lực.

7.2. Nội dung cam kết về TMĐT

Mục tiêu của các cam kết về TMĐT trong Hiệp định hướng tới việc các Bên ghi nhận TMĐT làm gia tăng cơ hội thương mại trong nhiều lĩnh vực. Các bên thúc đẩy phát triển TMĐT, thông qua việc hợp tác đối với các nội dung về TMĐT thuộc Chương. Các nội dung cam kết bao gồm:

- Thuế hải quan: Không Bên nào được áp dụng các loại thuế hải quan đối với các giao dịch điện tử;
- Các Bên sẽ duy trì đối thoại về các vấn đề chính sách pháp luật được đặt ra trong TMĐT, bao gồm:
 - (i) Chứng thực, chữ ký điện tử, tạo thuận lợi cho các dịch vụ chứng thực xuyên biên giới
 - (ii) Trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian trong việc truyền

dẫn hay lưu trữ thông tin

- (iii) Ứng xử với các hình thức liên lạc trong TMĐT tự nguyện
- (iv) Bảo vệ người tiêu dùng khi tham gia giao dịch trực tuyến
- (v) Các vấn đề liên quan khác.

8. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - UAE (VN-UAE CEPA)

8.1. Giới thiệu chung

Ngày 28/10/2024, tại Dubai, các Tiểu vương quốc Ả - rập thống nhất (UAE), Việt Nam và UAE đã ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - UAE (sau đây gọi tắt là Hiệp định VN - UAE CEPA). Hiệp định VN - UAE CEPA được khởi động đàm phán vào năm 2023 trong bối cảnh quan hệ song phương giữa Việt Nam và UAE ngày càng phát triển tốt đẹp, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế - thương mại.

Việc hoàn tất CEPA với UAE - một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam tại khu vực Trung Đông - là một bước tiến quan trọng, giúp Việt Nam tăng cường quan hệ ngoại giao với UAE nói riêng, tạo nền tảng để tiếp tục đẩy mạnh hợp tác kinh tế sâu rộng hơn trong khu vực và trên toàn cầu.

8.2. Nội dung cam kết về TMĐT

Mục tiêu của các cam kết về thương mại số trong Hiệp định hướng tới việc các Bên công nhận sự tăng trưởng kinh tế và cơ hội mà TMĐT mang lại, ngoài ra thắt chặt các vấn đề liên quan đến thúc đẩy lòng tin của người tiêu dùng đối với TMĐT và tầm quan trọng của việc tạo điều kiện phát triển và sử dụng TMĐT. Một số cam kết tiêu biểu trong Hiệp định bao gồm:

- Thuế hải quan;
- Chứng thực điện tử và chữ ký điện tử;
- Thương mại phi giấy tờ;
- Lưu chuyển thông tin xuyên biên giới bằng phương tiện điện tử
- Bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến, Bảo vệ thông tin cá nhân.

Ngoài ra, CEPA cũng bao gồm một số nội dung mới, chưa xuất hiện trong các Chương TMĐT/Kinh tế số khác mà Việt Nam tham gia ký kết, các nội dung theo hướng cam kết mềm, đẩy mạnh hợp tác, bao gồm:

- Định danh điện tử;
- Chính phủ số./.